



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

18

Tháng 9 - 2018

**THỨ TRƯỞNG PHAN THỊ MỸ LINH CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ GIAO BAN
CÔNG TÁC NGÀNH XÂY DỰNG VÙNG TÂY NGUYÊN
VÀ NAM TRUNG BỘ**

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2018



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

18

SỐ 18- 9/2018



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2035 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang, đến năm 2035 7
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 9

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh 11
- UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố 12
- UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá và phân loại biệt thự cũ trên địa bàn thành phố 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu các dự thảo tiêu chuẩn do Viện Vật liệu xây dựng biên soạn 18
- Nghiệm thu đề tài do Học viện AMC thực hiện 20
- Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy dùng cho các công trình xây dựng 22
- Ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế 24
- Các công nghệ kháng chấn trong xây dựng hiện đại 27

Thông tin

- Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040 31
- Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu 32
- Hội nghị triển khai kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh 34
- Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị giao ban công tác ngành Xây dựng vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ 36
- Các xu hướng phát triển đô thị của Nga và thế giới 38
- Trung Quốc: Chính quyền các địa phương thực hiện phân loại rác thải như thế nào? 44
- Những nguồn năng lượng thay thế trong các thành phố 47

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2035

Ngày 16 tháng 08 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1039/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2035.

1. Phạm vi, ranh giới

- Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình nằm trên địa bàn thành phố Hòa Bình (xã Thái Thịnh và các phường: Thái Bình, Phương Lâm, Tân Thịnh) và 4 huyện: Đà Bắc, Cao Phong, Tân Lạc, Mai Châu, có phạm vi ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp các xã: Trung Thành, Đoàn Kết, Đồng Chum, Tu Lý, một phần xã Cao Sơn và thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc;

+ Phía Đông giáp các xã: Hòa Bình, Dân Chủ, Thống Nhất, Sủ Ngòi; các phường: Hữu Nghị, Thịnh Lang thuộc thành phố Hòa Bình, các xã: Thu Phong, Bắc Phong, Tây Phong của huyện Cao Phong;

+ Phía Tây giáp xã Tân Sơn, huyện Mai Châu và huyện Vân Hồ thuộc tỉnh Sơn La;

+ Phía Nam giáp xã Tòng Đậu, Nà Mèo, huyện Mai Châu; Phú Cường, Phong Phú và Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc.

Quy mô lập quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình là 52.200 ha.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2030, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hòa Bình, và các quy hoạch khác có liên quan nhằm mục tiêu phát triển Hồ Hòa Bình trở thành điểm đến hấp dẫn của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ với các sản phẩm du lịch đặc

trung gắn với văn hóa Mường và hệ sinh thái lòng hồ;

- Định hướng tổ chức không gian, quy hoạch sử dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, hạ tầng xã hội và dịch vụ đồng bộ cho Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình; kết nối Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình với các danh lam thắng cảnh, các khu du lịch trong vùng trung du miền núi Bắc Bộ;

- Khai thác các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, văn hóa dân tộc, bản sắc địa phương đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển du lịch của Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình;

- Tạo lập cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng và phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình và triển khai các dự án, quy hoạch tiếp theo.

3. Tính chất

- Là khu du lịch quốc gia trọng tâm của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ với sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với trải nghiệm văn hóa Mường và hệ sinh thái lòng hồ;

- Là vùng sinh thái, đảm trách những chức năng chính về hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, liên vùng (cấp điện, cấp nước, điều tiết lũ, bảo vệ nguồn nước,...).

4. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

- Phân tích và đánh giá mối liên hệ vùng; các định hướng và dự án quan trọng của quốc gia; điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội và du lịch; các đặc điểm văn hóa và những yếu tố đặc thù ảnh hưởng tới Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình.

- Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch, các dự án đã có, đang còn hiệu lực; xác định, làm rõ các định hướng trong quy

hoạch ngành có liên quan.

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển của khu chức năng đặc thù; dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản của Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình theo từng giai đoạn.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn khu du lịch, xác định phạm vi, quy mô sử dụng đất trong khu vực theo từng giai đoạn phát triển, đảm bảo khai thác và sử dụng đất đai hiệu quả.

- Định hướng phát triển không gian

+ Nghiên cứu tác động của tuyến đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu đến quá trình lập quy hoạch và phát triển để khai thác lợi thế của Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình; đề xuất những điều chỉnh cần thiết về tiếp cận, các chức năng và những nội dung khác liên quan trong quá trình lập quy hoạch;

+ Xác định cấu trúc phát triển xây dựng không gian chung toàn khu, hướng phát triển và nguyên tắc phát triển đối với từng phân khu chức năng; định hướng tổ chức không gian các phân khu chức năng, xác định các không gian trọng tâm điểm nhấn, các không gian đặc thù... phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình đã được phê duyệt và các quy hoạch khác liên quan;

+ Đề xuất các định hướng phát triển không gian; định hướng tổ chức kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, công trình điểm nhấn của khu vực; đề xuất ý tưởng quy hoạch trên cơ sở nghiên cứu yếu tố văn hóa, lịch sử và tập quán địa phương;

+ Định hướng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, phát triển du lịch cộng đồng, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội trên cơ sở gắn kết và bổ trợ giữa khu du lịch quốc gia với các khu dân cư, đặc biệt các đô thị quan trọng như thị trấn Mai Châu (huyện Mai Châu), thị trấn Mường Khến (huyện Tân Lạc), thị trấn Đà Bắc (huyện Đà Bắc), thị trấn Cao Phong (huyện Cao Phong);

+ Giải pháp quy hoạch bảo vệ, bảo tồn và phát huy các giá trị của Khu du lịch quốc gia Hồ

Hòa Bình gắn với phát triển kinh tế, khai thác du lịch một cách hợp lý, hài hòa và phát triển bền vững;

+ Nghiên cứu, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển du lịch với các chức năng khác; với bảo vệ môi trường: Hồ nước, rừng phòng hộ,...

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật

+ Chuẩn bị kỹ thuật: Xác định cao độ nền xây dựng cho các phân khu chức năng; các giải pháp bảo vệ địa hình địa mạo của khu vực, tránh tối đa việc san lấp; phân lưu vực tiêu thoát nước chính, hướng thoát nước, vị trí, quy mô công trình tiêu thoát nước;

+ Giao thông: Xác định vị trí, quy mô công trình giao thông đầu mối; phân loại, phân cấp và tổ chức mạng lưới giao thông trong khu du lịch quốc gia và kết nối với các tuyến giao thông đối ngoại: Quốc lộ 6, dự án cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình, dự án cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu,... trên cơ sở cập nhật các dự án chiến lược và quốc gia; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe, bến cảng; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính và hệ thống hào, tuynel kỹ thuật;

+ Cấp nước: Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, nguồn nước (trữ lượng, chất lượng) đặc biệt là các nguồn nước mặt, ngầm... Đưa ra các giải pháp cấp nước cho các phân khu, bảo vệ nguồn nước mặt sông Đà và các công trình đầu mối cấp nước...

+ Cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc: Tính toán nhu cầu sử dụng điện năng, xác định chỉ tiêu sử dụng điện của các phân khu chức năng; xác định vị trí công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải; tính toán công suất, vị trí bố trí trạm biến áp cho toàn khu; xác định các trạm phân phối, tuyến trung thế và các tuyến hạ thế; thiết kế mạng lưới điện, mạng lưới điện chiếu sáng cho toàn khu. Hệ thống thông tin liên lạc toàn khu;

+ Chất thải rắn: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng chất thải rắn phát sinh theo từng giai

đoạn, đưa ra giải pháp thu gom xử lý chất thải cho toàn khu. Xác định vị trí, quy mô cơ sở xử lý chất thải rắn;

+ Thoát nước thải: Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải toàn khu; thiết kế mạng lưới thoát nước thải; hướng thoát nước thải... cho toàn khu và từng khu chức năng chính; định hướng vị trí, quy mô của các cơ sở xử lý nước thải trong khu du lịch và giải pháp kiểm soát nước thải.

- Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo lộ trình ngắn hạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2035.

- Thời gian lập quy hoạch không quá 12 tháng sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang, đến năm 2035

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1077/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang, đến năm 2035.

1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu: Bao gồm thành phố Hà Giang hiện hữu (khoảng 13.392,80 ha) và khu vực dự kiến mở rộng thuộc huyện Vị Xuyên gồm xã Phong Quang (khoảng 3.478,4 ha), thôn Tân Đức (xã Đạo Đức) khoảng 245 ha, thôn Lấp 1 (xã Phú Linh) khoảng 250 ha, thôn Chang (xã Kim Thạch) khoảng 256 ha, thôn Bản Thảm (xã Kim Thạch) khoảng 304 ha.

2. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm:

- Phát triển đô thị Hà Giang đáp ứng các vai trò, chức năng trong tỉnh Hà Giang, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, đảm bảo an ninh quốc phòng và phát triển bền vững. Gìn giữ các giá trị về cảnh quan tự nhiên, văn hóa, kiến trúc truyền thống, phát huy và hấp dẫn các thành phần kinh tế cho đầu tư và phát triển đô thị.

b) Mục tiêu:

- Định hướng phát triển đô thị Hà Giang theo các tiêu chí đô thị loại II, có không gian được mở rộng, khu vực phát triển hiện hữu được nâng cấp cải tạo, đảm bảo phát huy tiềm năng, thế mạnh khu vực, gìn giữ bản sắc cảnh quan tự nhiên,

kiến trúc, văn hóa truyền thống của đô thị.

- Định hướng phát triển đô thị Hà Giang đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội và tiện ích đô thị đồng bộ, phù hợp với thực tiễn và tính chất đặc trưng của đô thị.

- Tạo cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch và thực hiện các bước tiếp theo, hấp dẫn các thành phần kinh tế cho đầu tư xây dựng phát triển đô thị.

3. Tính chất

- Là đô thị tỉnh lỵ tỉnh Hà Giang, trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, y tế, khoa học kỹ thuật và chế biến công nghệ cao của tỉnh Hà Giang.

- Là trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch, đầu mối giao lưu, liên kết, thúc đẩy Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và các khu vực khác của tỉnh Hà Giang nói riêng, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nói chung, phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Là đô thị loại II trong giai đoạn đến 2030, đô thị xanh với các giá trị về hệ sinh thái, kiến trúc truyền thống, văn hóa bản địa được gìn giữ, phát huy hiệu quả và bền vững.

4. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

a) Phân tích đánh giá thực trạng phát triển

- Phân tích đánh giá những tác động tới thực trạng phát triển đô thị Hà Giang, các yếu tố động lực, thế mạnh phát triển đô thị trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, các yếu tố cần liên kết, chia sẻ để thúc đẩy khu vực Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy.

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, dân số, lao động, hiệu quả sử dụng đất đai, kiến trúc cảnh quan đô thị, các giá trị về tự nhiên, văn hóa truyền thống đặc sắc của đô thị Hà Giang.

- Đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng xã hội về y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, nhà ở, cây xanh công viên đô thị, không gian công cộng, quảng trường, lối đi bộ các khu đô thị hiện hữu và các khu vực dân cư nông thôn các xã.

- Đánh giá hệ thống Hạ tầng kỹ thuật về giao thông, chuẩn bị kỹ thuật (nền xây dựng, thoát nước mưa), cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, thông tin liên lạc và vệ sinh môi trường. Đặc biệt đánh giá hành lang thoát lũ, khoanh vùng các khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng của thiên tai lũ lụt, sạt lở đất.

b) Xác định các tiền đề, dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng

- Xác định các tiền đề, động lực phát triển để đô thị Hà Giang trở thành trung tâm kinh tế năng động của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, đảm bảo an ninh quốc phòng, nâng cao chất lượng đô thị và điều kiện sống của người dân.

- Dự báo quy mô dân số, lao động theo các giai đoạn quy hoạch, phân tích các cơ sở khoa học để đưa ra kết quả dự báo, phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển đô thị đảm bảo phát triển bền vững.

- Dự báo quy mô đất xây dựng đô thị và xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật phù hợp, đảm bảo đạt tiêu chí đô thị loại II, có tính đến các yếu tố đặc thù là đô thị vùng cao miền núi phía Bắc.

c) Định hướng phát triển không gian và quy

hoạch sử dụng đất

- Xác định các nguyên tắc phát triển không gian đô thị phù hợp với mục tiêu và tính chất chức năng đô thị.

- Xác định cấu trúc phát triển không gian đô thị đảm bảo tối ưu về liên kết vùng, đặc biệt là sự liên kết, hỗ trợ Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và các khu vực khác trong tỉnh.

- Xác định các khu vực cảnh quan tự nhiên có giá trị như thảm thực vật phía Đông, phía Tây, hệ sinh thái sông Lô, sông Miện, núi Mỏ Neo, Hàm Hồ..., các giá trị văn hóa, kiến trúc truyền thống của đô thị để gìn giữ và phát huy.

- Đề xuất các giải pháp nâng cấp cải tạo các khu vực phát triển hiện hữu, đặc biệt các khu ở dân cư, không gian công cộng, cây xanh công viên và tiện ích đô thị. Định hướng xây dựng các khu chức năng mới đảm bảo khả năng thu hút đầu tư cao.

- Định hướng tổ chức, xây dựng hệ thống trung tâm đô thị, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và bền vững, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong quá trình phát triển đất đai đô thị.

d) Thiết kế đô thị

- Giải pháp thiết kế đô thị đảm bảo xác định rõ các nội dung cần thực hiện và quản lý đối với từng khu vực theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD, ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

đ) Định hướng hạ tầng kỹ thuật

- Định hướng phát triển giao thông liên kết vùng đảm bảo khả năng giao lưu phát triển với các khu vực khác trong tỉnh Hà Giang, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. Định hướng phát triển giao thông đô thị đảm bảo liên kết thuận tiện giữa khu vực phát triển hiện hữu với các khu vực phát triển mới.

- Lựa chọn đất xây dựng, cao độ xây dựng,

định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật về hệ thống thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, thông tin liên lạc theo tiêu chí đô thị loại II.

e) Đánh giá tác động môi trường chiến lược

- Xác định các vấn đề tồn tại, diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch. Đề xuất các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động tiêu cực đến môi trường.

h) Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Xác định mục tiêu phát triển trong giai

đoạn ngắn hạn đến năm 2025, đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, đặc biệt đối với các dự án trọng điểm tạo động lực phát triển đô thị đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

- Xác định nguồn lực, lộ trình thực hiện quy hoạch đảm bảo tính khả thi.

Thời gian lập quy hoạch: Không quá 12 tháng kể từ khi Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1100/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050.

1. Phạm vi lập quy hoạch

- Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của 07 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng và Hưng Yên có diện tích tự nhiên khoảng 15.591 km².

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng cấp nước trong Đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội và quy hoạch vùng duyên hải Bắc Bộ (trong phạm vi vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Xác định nhu cầu dùng nước, nguồn nước, giải pháp cấp nước, kế hoạch đầu tư xây dựng

các công trình cấp nước theo các giai đoạn quy hoạch; làm cơ sở để các tỉnh trong vùng điều chỉnh định hướng cấp nước và triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Đến năm 2030

+ Các đô thị, khu công nghiệp được cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn, tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 95 - 100% với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 l/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định;

+ Khu vực dân cư nông thôn tập trung, liền kề đô thị sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 85 - 90% với tiêu chuẩn cấp nước 90 l/người/ngày đêm.

- Định hướng đến năm 2050, đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung, liền kề đô thị.

3. Nội dung nghiên cứu lập quy hoạch

a) Thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã

hội và hệ thống cấp nước:

- Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tình hình phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, khu công nghiệp và ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

- Rà soát việc triển khai thực hiện “Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020” (đối với phạm vi vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

- Điều tra, khảo sát và đánh giá tổng hợp hiện trạng các nguồn cấp nước của vùng (về trữ lượng và chất lượng nguồn nước; khả năng khai thác nguồn nước phục vụ cấp nước), các công trình cấp nước (nhà máy nước, mạng lưới đường ống,...), hiện trạng sử dụng nước (khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu vực dân cư nông thôn).

- Rà soát ảnh hưởng của tác động biến đổi khí hậu đến việc khai thác và sử dụng nguồn nước (nước mặt và nước ngầm); đặc biệt nước mặt đối với sông Hồng, sông Thái Bình và các nhánh hệ thống sông sử dụng làm nguồn nước.

b) Dự báo nhu cầu cấp nước

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng nước theo loại đô thị, khu công nghiệp phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn và khả năng nguồn cấp nước.

- Dự báo nhu cầu sử dụng nước toàn vùng theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Xác định mối quan hệ liên vùng về nguồn nước, hệ thống cấp nước.

- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, trong nước về đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước quy mô liên tỉnh, liên đô thị.

c) Xác định nguồn cấp nước, phân vùng cấp nước và phương án quy hoạch cấp nước:

- Ưu tiên đối với nguồn nước mặt từ hệ thống sông Hồng - Thái Bình, hồ thủy điện Hòa Bình, hồ Núi Cốc...; hạn chế khai thác nguồn nước ngầm; đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến các nguồn cấp nước.

- Phân vùng cấp nước; xác định vị trí, quy mô công suất, phạm vi phục vụ các nhà máy nước cấp vùng (hiện hữu, đóng cửa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới).

- Xác định các tuyến ống cấp nước liên vùng, giải pháp cấp nước theo phân vùng cấp nước, các địa phương trong vùng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các công trình đầu mối cấp nước.

- Đề xuất mô hình đầu tư, quản lý vận hành các công trình cấp nước quy mô liên vùng, liên đô thị.

d) Đánh giá môi trường chiến lược: lồng ghép trong báo cáo quy hoạch.

đ) Xác định dự án ưu tiên đầu tư, khái toán tổng kinh phí, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và mô hình, tổ chức thực hiện.

e) Giải pháp thực hiện:

- Đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách phát triển cấp nước vùng, thu hút các nguồn lực đầu tư hệ thống cấp nước vùng.

- Đề xuất công nghệ xử lý nước hiện đại, phù hợp với loại nguồn nước (nước mặt, nước ngầm), phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Đề xuất giải pháp thực hiện liên kết vùng trong đầu tư, quản lý vận hành hệ thống cấp nước vùng liên tỉnh, liên đô thị.

- Đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn đối với các công trình cấp nước.

Thời gian lập quy hoạch: 09 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh**

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND Quy định quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh.

Nguyên tắc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ

- Nhà ở công vụ được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí; việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

- Bảo đảm quản lý thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ, sự phân giao trách nhiệm quản lý rõ ràng giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Nhà ở công vụ được quản lý phải bảo đảm chất lượng và an toàn cho người sử dụng;

- Mọi hành vi vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật;

- Không thực hiện miễn, giảm tiền thuê nhà ở cho các đối tượng được thuê nhà ở công vụ.

Những hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ

Những hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý sử dụng nhà ở công vụ theo quy định tại Điều 6 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Quy định về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ

- Việc bảo hành, bảo trì nhà ở công vụ thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.

- Tiêu chuẩn diện tích sử dụng và định mức trang thiết bị nội thất cơ bản cho nhà ở công vụ thực hiện theo Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg

ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ.

- Lưu trữ hồ sơ nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 của Thông tư 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ

UBND tỉnh là đại diện chủ sở hữu đối với nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Cơ quan quản lý nhà ở công vụ

- Sở Xây dựng là cơ quan quản lý nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

- Phòng Quản lý Đô thị thị xã Bình Minh, phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện là cơ quan quản lý nhà ở công vụ trên địa bàn thuộc địa phương quản lý.

Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ

- Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở là đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ do Sở Xây dựng quản lý.

- Phòng Quản lý Đô thị thị xã Bình Minh, phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện tổ chức thực hiện việc quản lý vận hành, hoặc giao cho tổ chức, đơn vị có chức năng, năng lực về quản lý vận hành nhà ở thực hiện quản lý vận hành (nếu có đơn vị quản lý vận hành) nhà ở công vụ trên địa bàn thuộc địa phương quản lý.

Đối tượng được thuê nhà ở công vụ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 32, Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Điều kiện được thuê nhà ở công vụ

- Đang trong thời gian đảm nhận chức vụ; Có Quyết định điều động, luân chuyển công tác và giấy tờ chứng minh hệ số phụ cấp chức vụ.

- Thuộc diện chưa có nhà ở thuộc sở hữu

của mình, chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại địa phương nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m² sàn/người.

Hợp đồng thuê nhà ở công vụ

- Việc cho thuê nhà ở công vụ phải được lập thành Hợp đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03, Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng.

- Hợp đồng nhà ở công vụ phải được đính kèm theo Bản nội quy quy định sử dụng nhà ở công vụ.

Giá cho thuê nhà ở công vụ

Giá thuê nhà ở công vụ thực hiện theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 về việc ban hành giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/8/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Long.

Thanh toán tiền thuê nhà ở công vụ

- Người thuê nhà ở công vụ ký kết hợp đồng thuê nhà với đơn vị quản lý vận hành và trực

tiếp thanh toán tiền thuê nhà ở công vụ theo đúng số tiền và thời hạn đã ghi trong Hợp đồng thuê nhà ở công vụ.

- Trường hợp người thuê nhà ở công vụ không thực hiện thanh toán tiền thuê trong thời gian 03 tháng liên tục thì đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ sẽ thông báo đến cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ thực hiện khấu trừ tiền lương của người thuê nhà ở công vụ để thanh toán tiền thuê nhà cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ.

Thu hồi nhà ở công vụ

Việc thu hồi nhà ở công vụ thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Trình tự, thủ tục thu hồi và cưỡng chế thu hồi nhà ở công vụ

Thực hiện theo Điều 15, Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/9/2018.

Xem toàn văn tại (www.vinhlong.gov.vn)

UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Nguyên tắc, phương thức phối hợp**1. Nguyên tắc phối hợp**

- Sở Công Thương là cơ quan tham mưu giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, đồng thời là cơ quan đầu mối liên hệ và chịu trách nhiệm phối hợp làm việc theo cơ chế một cửa, một cửa liên

thông với các cơ quan liên quan.

- Việc phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức có liên quan và không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan; đảm bảo kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

2. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, trong quá trình thực hiện sẽ do cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp nhiều cơ quan khác giải

quyết công việc.

a) Đối với cơ quan chủ trì

- Tổ chức cuộc họp hoặc gửi văn bản để lấy ý kiến của cơ quan phối hợp.

- Sau khi cơ quan chủ trì triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công Thương 01 bản (bao gồm file mềm) để tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện.

b) Đối với cơ quan phối hợp

- Khi thực hiện công tác phối hợp phải cử cán bộ có trách nhiệm, thực hiện theo đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp; trường hợp được đề nghị tham gia phối hợp nhưng không cử người tham gia thì được xem là đồng ý với nội dung kết luận của cơ quan chủ trì.

- Có trách nhiệm tham gia góp ý và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Nếu không có ý kiến, thì xem như cơ quan phối hợp chấp thuận theo nội dung kết luận của cơ quan chủ trì.

Phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp

Nội dung phối hợp

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển cụm công nghiệp; xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển cụm công nghiệp; đề xuất đầu tư cụm công nghiệp theo hình thức đối tác công tư; xây dựng chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp do ngân sách địa phương đảm bảo.

- Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc thành lập và hoạt động của cụm công nghiệp.

- Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết các vấn đề phát sinh trong cụm công nghiệp.

- Xây dựng và quản lý thông tin về cụm công nghiệp; chỉ đạo các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Báo cáo tình hình cụm công nghiệp trên địa

bàn; xây dựng cơ sở dữ liệu về cụm công nghiệp.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Quy trình phối hợp

- Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp. Sở Công Thương giữ vai trò đầu mối. Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan phối hợp đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời thực hiện theo Quy chế này.

Trách nhiệm phối hợp của cơ quan quản lý Nhà nước

1. Trách nhiệm của Sở Công thương

- Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc thành lập và hoạt động của cụm công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và các cơ quan có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển cụm công nghiệp trình UBND thành phố phê duyệt. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức thẩm định đề án hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trình UBND thành phố phê duyệt sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương.

- Chủ trì thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, trình UBND thành phố quyết định. Nếu dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được thực hiện nguồn vốn ngân sách nhà nước thì thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Trường hợp điều

chính quy mô diện tích cụm công nghiệp lớn hơn 05 ha thì tham mưu, đề xuất UBND thành phố có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương trước khi phê duyệt.

- Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp; đề xuất UBND thành phố xử lý vi phạm, vấn đề phát sinh về cụm công nghiệp.

- Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp và các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của các dự án trong cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

a. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì tham mưu cho UBND thành phố phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư dự án; cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trình UBND thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Đề nghị các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên quan để thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố; thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Tham mưu UBND thành phố cân đối nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

ngoài hàng rào cụm công nghiệp trên địa bàn.

b. Sở Xây dựng

- Chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công và cấp phép xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

- Cấp phép xây dựng cho các công trình đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền;

c. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, cho thuê đất đối với dự án đầu tư cụm công nghiệp.

- Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà xưởng và các tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức trong cụm công nghiệp.

- Hướng dẫn, thực hiện việc đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận về môi trường theo quy định.

d. Sở Tài chính

- Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Hướng dẫn việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán đúng quy định.

e. Sở Giao thông Vận tải

- Chủ trì hướng dẫn, cấp phép thi công đấu nối hạ tầng giao thông cụm công nghiệp với đường tỉnh theo quy định pháp luật; hướng dẫn thực hiện thủ tục đấu nối hạ tầng giao thông với các tuyến đường do Trung ương quản lý.

- Phối hợp tham gia ý kiến thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

f. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Thực hiện các nội dung liên quan đến thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp theo quy định tại Luật

Chuyển giao công nghệ và các quy định khác có liên quan.

g. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện hướng dẫn các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động.

h. Sở Thông tin và Truyền thông

- Quản lý và chỉ đạo doanh nghiệp bưu

chính viễn thông phối hợp với chủ đầu tư hạ tầng đầu tư xây dựng mạng lưới bưu chính viễn thông nhằm đáp ứng yêu cầu về thông tin liên lạc cho các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp, đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2018.

**Xem toàn văn tại
(www.haiphong.gov.vn)**

UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá và phân loại biệt thự cũ trên địa bàn thành phố

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND quy định về tiêu chí đánh giá và phân loại biệt thự cũ trên địa bàn thành phố.

Phân loại biệt thự

Các biệt thự cũ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được phân nhóm theo quy định tại Khoản 1, Điều 34 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Nhóm 1: Các biệt thự cũ có giá trị điển hình về kiến trúc, nhà cổ do Hội đồng Phân loại biệt thự xác định, lập danh sách và trình UBND Thành phố phê duyệt;

- Nhóm 2: Các biệt thự cũ không thuộc Nhóm 1 nhưng có giá trị về nghệ thuật kiến trúc, lịch sử, văn hóa do Hội đồng Phân loại biệt thự xác định, lập danh sách và trình UBND Thành phố phê duyệt;

- Nhóm 3: Các biệt thự cũ không thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2.

Các tiêu chí đánh giá và phân loại biệt thự cũ

Có hai (02) nhóm tiêu chí đánh giá và phân loại biệt thự cũ:

- Nhóm tiêu chí chính với ba (03) tiêu chí;

- Nhóm tiêu chí phụ với ba (03) tiêu chí.

1. Nhóm tiêu chí chính

a) Tiêu chí 1: Tiêu chí về kiến trúc - nghệ thuật, được đánh giá như sau:

- Tính đặc trưng tiêu biểu cho phong cách thiết kế kiến trúc và nội thất nhất định gắn liền với biệt thự cũ:

+ Có: 1 điểm

+ Không: 0 điểm

- Giá trị nghệ thuật cao của bố cục tổng thể kiến trúc và các chi tiết ngoại thất, nội thất của biệt thự cũ:

+ Có: 1 điểm

+ Không: 0 điểm

b. Tiêu chí 2: Tiêu chí về cảnh quan đô thị, được đánh giá như sau:

- Sự đóng góp của biệt thự cũ đối với cảnh quan đô thị do biệt thự cũ nằm trong khu vực đô thị lịch sử (quy định tại các đồ án quy hoạch đô thị được phê duyệt) hoặc thuộc các tuyến, cụm, mảng biệt thự cũ (có từ 3 biệt thự cũ trở lên) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Có: 1 điểm

+ Không: 0 điểm

- Sự đóng góp của biệt thự cũ đối với cảnh quan đô thị do có vị trí đặc biệt, tạo điểm nhấn:

+ Có: 1 điểm
+ Không: 0 điểm
- Sự nổi bật về quy mô và tính chất nghệ thuật của khuôn viên, sân vườn của biệt thự cũ:

+ Có: 1 điểm
+ Không: 0 điểm

c. Tiêu chí 3: Tiêu chí về lịch sử - văn hóa, được đánh giá như sau:

- Tuổi thọ công trình của biệt thự cũ:

+ Trước 1954: 1 điểm
+ Sau 1954: 0 điểm

- Biệt thự cũ gắn liền với các sự kiện lịch sử nổi bật hoặc nhân vật lịch sử nổi bật:

+ Có: 1 điểm
+ Không: 0 điểm

- Cách tổ chức không gian biệt thự cũ phản ánh các đặc trưng về lối sống, phong cách sinh hoạt qua các thời kỳ của người dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định:

+ Có: 1 điểm
+ Không: 0 điểm

2. Nhóm tiêu chí phụ

a) Tiêu chí 4: Tiêu chí về tính nguyên gốc, được đánh giá như sau:

Biệt thự cũ có quá nhiều thay đổi do cải tạo, sửa chữa, coi nới, xây chen và không thể nhận dạng được kiến trúc, kết cấu nguyên gốc:

- Có: 1 điểm
- Không: 0 điểm

b) Tiêu chí 5: Tiêu chí về tính toàn vẹn của khu đất biệt thự cũ và công trình biệt thự cũ, được đánh giá như sau:

Tại thời điểm hiện tại, khu đất biệt thự cũ bị tách thửa hoặc công trình biệt thự cũ bị chia cắt do nhiều cá nhân, tập thể, tổ chức sở hữu, quản lý, khai thác:

- Có: 1 điểm
- Không: 0 điểm

c) Tiêu chí 6: Tiêu chí về tình trạng chất lượng công trình dựa trên chất lượng kiến trúc, nội thất và chất lượng kết cấu của biệt thự cũ, được đánh giá như sau:

Có thể sửa chữa, cải tạo, nâng cấp biệt thự

cũ để tiếp tục sử dụng và phát huy hiệu quả các giá trị về mặt kiến trúc - nghệ thuật, cảnh quan đô thị, lịch sử - văn hóa:

- Có: 1 điểm
- Không: 0 điểm

Nguyên tắc đánh giá biệt thự cũ

Có hai (02) nhóm tiêu chí về nguyên tắc đánh giá và đánh giá biệt thự cũ: nhóm tiêu chí chính có ba (03) tiêu chí và nhóm tiêu chí phụ có ba (03) tiêu chí.

1. Nhóm tiêu chí chính

a. Tiêu chí 1: Tiêu chí về kiến trúc – nghệ thuật

- Mức 1: Có giá trị tiêu biểu về kiến trúc - nghệ thuật, có tổng số điểm là 2;

- Mức 2: Có giá trị về kiến trúc - nghệ thuật, có tổng số điểm là 1;

- Mức 3: Không có giá trị hoặc có giá trị không đáng kể về kiến trúc - nghệ thuật, có điểm số bằng 0.

b. Tiêu chí 2: Tiêu chí về cảnh quan đô thị

- Mức 1: Có giá trị tiêu biểu về cảnh quan đô thị, có tổng số điểm là 2 hoặc 3;

- Mức 2: Có giá trị về cảnh quan đô thị, có tổng số điểm là 1;

- Mức 3: Không có giá trị hoặc có giá trị không đáng kể về cảnh quan đô thị, có điểm số bằng 0.

c. Tiêu chí 3: Tiêu chí về lịch sử - văn hóa

- Mức 1: Có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa, có tổng số điểm là 2 hoặc 3;

- Mức 2: Có giá trị về lịch sử - văn hóa, có tổng số điểm là 1;

- Mức 3: Không có giá trị hoặc có giá trị không đáng kể về lịch sử - văn hóa, có điểm số bằng 0.

2. Nhóm tiêu chí phụ

a. Tiêu chí 4: Về tính nguyên gốc

- Mức 1: Có tổng số điểm là 1;
- Mức 2: Có điểm số bằng 0.

b. Tiêu chí 5: Về tính toàn vẹn

- Mức 1: Có tổng số điểm là 1;
- Mức 2: Có điểm số bằng 0.

c. Tiêu chí 6: Về tình trạng chất lượng biệt thự

- Mức 1: Có tổng số điểm là 1;
- Mức 2: Có điểm số bằng 0.

Nguyên tắc phân loại biệt thự cũ

Sau khi đánh giá biệt thự cũ theo các tiêu chí nêu trên, việc phân loại biệt thự cũ được tiến hành theo nguyên tắc sau:

1. Các biệt thự cũ thuộc Nhóm 1 khi đáp ứng hai yêu cầu như sau:

- Ít nhất một (01) trong ba (03) tiêu chí chính đạt Mức 1;

- Cả ba (03) tiêu chí phụ đạt Mức 1.

2. Các biệt thự cũ thuộc Nhóm 2 khi đáp ứng

ba yêu cầu như sau:

- Không thuộc Nhóm 1;
- Ít nhất một (01) trong ba (03) tiêu chí chính đạt Mức 2;
- Cả ba (03) tiêu chí phụ đạt Mức 1.

3. Các biệt thự cũ không được xếp vào Nhóm 1 và Nhóm 2 (nêu trên) sẽ được xếp vào Nhóm 3.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2018.

**Xem toàn văn tại
(www.hochiminh.gov.vn)**

Nghiệm thu các dự thảo tiêu chuẩn do Viện Vật liệu xây dựng biên soạn

Ngày 14/9/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu 03 dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) do Viện Vật liệu xây dựng biên soạn, gồm: TCVN “Các sản phẩm đốt than - Thuật ngữ định nghĩa”, TCVN “Chất lượng đất - Xác định hệ số thấm của vật liệu xốp bão hòa sử dụng thiết bị đo độ thấm màng mềm” và TCVN “Phương pháp chiết nhanh sự rò rỉ do khuếch tán từ chất thải đã đóng rắn và chương trình máy tính mô phỏng sự khuếch tán quá trình chiết gián đoạn từ mẫu chất thải hình trụ”. Phó Vụ trưởng Vụ VLXD Nguyễn Quang Hiệp - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, thay mặt nhóm biên soạn, ThS. Khổng Thị Giang - Chủ nhiệm dự án trình bày tóm tắt Báo cáo thuyết minh dự thảo 03 TCVN nêu trên. Theo đó, việc biên soạn TCVN “Các sản phẩm đốt than - Thuật ngữ định nghĩa” là cần thiết, vì hiện nay các sản phẩm đốt than (còn gọi là tro xỉ than) từ các nhà máy nhiệt điện có nhiều loại được gọi bằng nhiều tên khác nhau theo từng loại hình công nghệ (đốt than phun, đốt than tầng sôi...), việc sử dụng các thuật ngữ, định nghĩa thống nhất trong quản lý, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng các sản phẩm đốt than là rất cần thiết. Do đó, nhóm tác giả đã tiến hành chuyển dịch tương đương tiêu chuẩn ASTM E2201-13 làm cơ sở xây dựng tiêu chuẩn này.

Mục đích xây dựng TCVN “Các sản phẩm đốt than - Thuật ngữ định nghĩa” nhằm làm tiêu chuẩn thuật ngữ định nghĩa chung cho các tiêu chuẩn hướng dẫn sử dụng liên quan đến các sản phẩm đốt than trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, đồng thời góp phần thống nhất và đồng bộ hóa thuật ngữ, định nghĩa trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam. Tiêu chuẩn này được sử dụng trong sản xuất, quản lý và sử dụng các sản phẩm đốt than. Bố cục của tiêu chuẩn được giữ nguyên theo tiêu chuẩn ASTM E2201-13, gồm 2 phần:



Toàn cảnh buổi nghiệm thu

Phạm vi áp dụng, thuật ngữ và định nghĩa.

Về tiêu chuẩn TCVN “Chất lượng đất - Xác định hệ số thấm của vật liệu xốp bão hòa sử dụng thiết bị đo độ thấm màng mềm”, ThS. Khổng Thị Giang cho biết, tiêu chuẩn này được biên dịch và đồng bộ các nội dung tiêu chuẩn BS ISO 17313:2004, có tham khảo các tiêu chuẩn trong nước có liên quan. Tiêu chuẩn này là phương pháp thử trong phòng thí nghiệm để xác định hệ số thấm của vật liệu xốp bão hòa nước sử dụng thiết bị đo độ thấm màng mềm.

Phương pháp thử này áp dụng cho dòng nước chảy tầng, một chiều từ đáy lên tới đỉnh của khối vật liệu xốp, ví dụ như đất và đá. Hệ số thấm của vật liệu xốp nói chung sẽ giảm khi tăng lượng không khí trong các lỗ rỗng của vật liệu. Phương pháp thử áp dụng cho vật liệu xốp bão hòa nước không chứa không khí. Phương pháp thử xác định tính thấm của vật liệu xốp với nước. Có thể xác định tính thấm với các loại chất lỏng khác, ví dụ chất thải hóa học, với quy trình thử nghiệm tương tự phương pháp thử trên. Thông thường, hệ số thấm được đo trong phòng thí nghiệm sẽ khác với hệ số thấm đo trong thử nghiệm với quy mô lớn. Nguyên nhân do các mẫu với kích thước được mô tả trong tiêu chuẩn này là mẫu đất đại diện đồng nhất, ít khi sử dụng mẫu đất không đồng nhất, bị nứt hoặc phân tầng. Vì vậy để có

kết quả đại diện khi đo hệ số thấm trong các trường hợp trên, phải xem xét thực hiện các thử nghiệm với quy mô hoặc kích thước mẫu thử lớn. Mục đích của tiêu chuẩn này là bổ sung cho hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tạo cơ sở pháp lý đánh giá hệ số thấm của vật liệu ở dạng nguyên khai hoặc đầm nén có hệ số thấm trong khoảng 10-5 m/s (1x10⁻³ cm/s) đến 10-11 m/s (1x10⁻⁹ cm/s), đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất, kiểm soát và đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi ứng dụng nhằm bảo vệ môi trường. Tiêu chuẩn này yêu cầu mẫu thử phải có đường kính tối thiểu 70mm và chiều cao tối thiểu 25mm. Đường kính và chiều cao của mẫu thử phải lớn hơn ít nhất 6 lần kích thước hạt lớn nhất của mẫu thử. Các loại đất điển hình trong trường hợp này là đất sét, sét lẫn cát, phù sa, than bùn, bùn...

ThS. Khổng Thị Giang trình bày trước Hội đồng báo cáo thuyết minh tóm tắt dự thảo TCVN “Phương pháp chiết nhanh sự rò rỉ do khuếch tán từ chất thải đã đóng rắn và chương trình máy tính mô phỏng sự khuếch tán quá trình chiết gián đoạn từ mẫu chất thải hình trụ” về sự cần thiết, mục đích, phạm vi áp dụng và nội dung của tiêu chuẩn.

Phương pháp thử này là thử nghiệm chiết bán động, trong đó mẫu thử hình trụ được ngâm trong dịch chiết, dịch chiết được thay mới sau một khoảng thời gian quy định. Đo nồng độ chất cần phân tích trong dung dịch thu được sau mỗi lần thay dịch chiết mới; từ đó xác định lượng chiết gián đoạn (IFL). Tính toán lượng các chất cần phân tích tích lũy được trong các khoảng thời gian chiết trước đó và khoảng thời gian chiết đang xét đến, để xác định độ rò rỉ từ chất rắn, có thể được mô phỏng thông qua mô hình khuếch tán khối lượng. Lượng tích lũy được sau một khoảng thời gian chiết cụ thể được gọi là tổng lượng chiết gián đoạn tích lũy.

Phương pháp thử có thể sử dụng để đo độ rò rỉ của một chất từ mẫu chất thải đóng rắn hình trụ vào trong nước ở nhiệt độ tham chiếu 20°C và ở các nhiệt độ cao hơn nhằm tăng tốc độ và giới

hạn quá trình chiết tương ứng với các giá trị đo được ở 20°C. Phương pháp thử có thể sử dụng để: So sánh độ rò rỉ của các thành phần chất thải với các loại và tỷ lệ chất đóng rắn khác nhau; xác định hệ số khuếch tán khi có sự rò rỉ các chất từ mẫu chất thải ở một nhiệt độ xác định; trong cùng một khoảng thời gian thử nghiệm, tăng tốc độ phản ứng lớn hơn tốc độ phản ứng đạt được dưới các điều kiện thử nghiệm dự kiến, nhằm tạo sự tin cậy khi xác định độ rò rỉ khuếch tán đã mô phỏng; xác định sự phụ thuộc của độ rò rỉ khuếch tán vào nhiệt độ.

Phạm vi áp dụng: Phương pháp thử quy định cách tiến hành đo tốc độ chiết các chất từ vật liệu đóng rắn, xác định sự rò rỉ có được kiểm soát bởi sự khuếch tán khối lượng, tính toán giá trị hằng số khuếch tán dựa trên các mô hình, và kiểm chứng mô phỏng độ rò rỉ khuếch tán dài hạn. Phương pháp thử áp dụng cho tất cả các loại vật liệu không bị phá hủy hoặc biến dạng trong quá trình thử nghiệm. Nếu trong cơ chế chiết, sự khuếch tán khối lượng là quá trình chiếm ưu thế, thì kết quả thử nghiệm có thể sử dụng để tính toán hệ số khuếch tán theo mô hình khuếch tán toán học. Chương trình máy tính được phát triển gắn với phương pháp thử này.

Phương pháp thử này có thay đổi so với các phương pháp thử chiết bán động học khác, ví dụ thử nghiệm chiết IAEA và ANS 16.1, trong đó thử nghiệm tiến hành ở nhiệt độ cao hơn để tăng tốc độ rò rỉ khuếch tán đến điểm tới hạn, do thời gian thử nghiệm đến điểm tới hạn sẽ rất dài nếu tiến hành thử ở nhiệt độ thấp hơn. Đây là cách tiếp cận đưa ra cơ sở tính toán độ rò rỉ khuếch tán dài hạn ở nhiệt độ bãi chôn lấp/chứa chất thải, với điều kiện cơ chế chiết không thay đổi theo nhiệt độ. Tiêu chuẩn này không đề cập đến các quy tắc an toàn liên quan đến việc áp dụng tiêu chuẩn. Người sử dụng tiêu chuẩn này phải có trách nhiệm lập ra các quy định thích hợp về an toàn và sức khỏe, đồng thời phải xác định khả năng áp dụng các giới hạn quy định trước khi sử dụng.

Nhằm nâng cao chất lượng các dự thảo TCVN nêu trên, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành đóng góp các ý kiến cho dự thảo, như: Chính sửa bảng biểu, sử dụng chính xác và thống nhất một số thuật ngữ, đơn vị đo, biên tập một số lỗi đánh máy.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Quang Hiệp đánh giá nhóm tác giả Viện VLXD đã có nhiều cố gắng trong việc biên soạn các tiêu chuẩn theo nhiệm vụ được giao, bám sát nội dung bản gốc, đảm bảo tính logic, khoa học.

Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Quang Hiệp cũng

thống nhất với các ý kiến góp ý của chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm biên soạn tiếp thu đầy đủ để hoàn thiện các dự thảo TCVN, sớm trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, gửi Bộ Khoa học và công nghệ công bố.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu các dự thảo TCVN do Viện Vật liệu xây dựng biên soạn (đã nêu ở trên), với kết quả đều đạt loại Khá./.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài do Học viện AMC thực hiện

Ngày 18/9/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số nội dung được quan tâm trong hoạt động quản lý xây dựng, phát triển đô thị và đề xuất giải pháp xử lý” do Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện AMC) thực hiện. Phó Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng) TS. Nguyễn Chí Hiếu - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc nghiệm thu.

Tại cuộc họp, thay mặt nhóm tác giả, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương, Phó Tổng biên tập Tạp chí Xây dựng và Đô thị - Chủ nhiệm đề tài cho biết, trong những năm qua, cùng với sự phát triển nhanh chóng của các đô thị, hoạt động quản lý xây dựng và phát triển đô thị đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của xã hội. Trước những yêu cầu và thách thức mới của đời sống thực tiễn, cần xây dựng những diễn đàn trao đổi, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm để tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước của ngành Xây dựng. Do đó, việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các nội dung được quan tâm trong hoạt động quản lý xây dựng, phát triển đô thị, đồng thời đề xuất giải pháp xử lý những vướng mắc, tồn tại trong



Toàn cảnh cuộc họp
lĩnh vực này là đặc biệt cần thiết.

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số nội dung trong lĩnh vực quản lý xây dựng và phát triển đô thị, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm giúp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đô thị các cấp ở Trung ương và địa phương.

Để thực hiện đề tài, nhóm tác giả đã tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng những vấn đề cần được giải quyết trong quản lý xây dựng và phát triển đô thị, phát phiếu điều tra tới cán bộ Sở Xây dựng các địa phương, UBND các thành phố, các hiệp hội chuyên ngành xây dựng và người dân, đồng thời tổ chức các hội thảo khoa học nhằm tổng hợp ý kiến các chuyên gia, từ đó xây dựng các chuyên đề theo

nhiệm vụ được giao.

Nội dung của đề tài gồm 6 chuyên đề: Quản lý phát triển đô thị bền vững; quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý chất lượng công trình xây dựng trong giai đoạn hiện nay; quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới; biến đổi khí hậu và tiết kiệm năng lượng trong ngành Xây dựng; phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng.

Theo đề tài, để giải quyết những thách thức lớn của quá trình đô thị hóa với tốc độ cao thì đổi mới công tác quản lý đô thị là một trong những nội dung được quan tâm đặc biệt hiện nay. Nhiều địa phương nêu lên những vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đô thị, như: Vấn đề thu thập và xử lý thông tin phục vụ quản lý xây dựng đô thị; quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị bằng quy chế; quản lý đầu tư phát triển đô thị; xây dựng hệ thống kiểm soát sự phát triển của đô thị theo quy hoạch; phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu...

Đề tài đưa ra những yêu cầu chung về xây dựng nông thôn mới, các bước thực hiện xây dựng nông thôn mới, nguyên tắc lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, hệ thống văn bản về quy hoạch xây dựng nông thôn mới, lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đồng thời nêu lên thực trạng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn cấp xã hiện nay và đưa ra một số giải pháp trong quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn, như: Công tác chỉ đạo điều hành, nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn, đề xuất, kiến nghị về cơ chế chính sách, sửa đổi bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới phù hợp với từng vùng, miền.

Đề tài cũng đề xuất những giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng, gồm: Xây dựng chuẩn đầu ra ở các trường đào tạo gắn với khung trình độ quốc gia; phát triển chương trình đào tạo và đánh giá theo năng lực;

thiết kế mô hình đào tạo ngoài chính quy phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của đất nước; gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế của đất nước.

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương cho biết, thông qua đề tài, Tạp chí Xây dựng và Đô thị đã tạo ra diễn đàn sôi động về các vấn đề quản lý xây dựng và phát triển đô thị được dư luận xã hội quan tâm, góp phần quan trọng vào việc đề xuất những giải pháp thiết thực làm cơ sở để các nhà quản lý đô thị tham khảo, vận dụng vào thực tiễn công tác của mình và của cơ quan.

Nhằm giúp nhóm tác giả hoàn thiện Báo cáo, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã đưa ra những ý kiến góp ý chuyên môn. ThS. Tào Khánh Hưng - Phó Tổng biên tập Báo Xây dựng, thành viên Hội đồng nhận xét: Đề tài được thực hiện công phu, nghiêm túc, nhiều thông tin, phương pháp thực hiện vừa đảm bảo tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn, sản phẩm đảm bảo tính tin cậy cao. Nhóm tác giả đã tiến hành điều tra, khảo sát ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam để thu thập thông tin, tài liệu phục vụ đề tài, từ đó đề xuất được nhiều giải pháp thiết thực, có tính khả thi cao.

Th.S Tào Khánh Hưng góp ý, đề tài có thể đặt ra yêu cầu về đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý đô thị các cấp cũng như tạo diễn đàn về lĩnh vực này trên Tạp chí Xây dựng và Đô thị.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Chí Hiếu đánh giá nhóm tác giả Học viện AMC đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được giao, thực hiện đề tài một cách nghiêm túc, đảm bảo chất lượng.

Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Chí Hiếu đề nghị

nhóm tác giả bổ sung thêm một số thông tin cần thiết nhằm tăng cường hơn nữa tính thuyết phục của đề tài đồng thời nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng để hoàn thiện Báo cáo, sớm trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng

nhất trí nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số nội dung được quan tâm trong hoạt động quản lý xây dựng, phát triển đô thị và đề xuất giải pháp xử lý”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy dùng cho các công trình xây dựng

Từ các nguồn nguyên liệu trong nước như cát trắng ở Quảng Bình, xi măng Pooc lăng, tro bay của nhiệt điện Phả Lại và các nguyên liệu nhập khẩu như Vermiculite, xi măng alumin, Silicafume và các loại phụ gia phân tán, phụ gia điều chỉnh khác, nhóm nghiên cứu thuộc Viện Vật liệu xây dựng đã nghiên cứu chế tạo thành công vữa chống cháy cách nhiệt Cemgun 250, Vermiculite/Perlit 750 ứng dụng trong các công trình xây dựng và công nghiệp có chất lượng tương đương sản phẩm nhập ngoại, đồng thời nghiên cứu xây dựng được quy trình công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy tương đối đơn giản, gọn nhẹ và có tính khả thi cao.

Trong các công trình xây dựng của ngành dầu khí như: Giàn khoan ngoài khơi, nhà máy lọc dầu, các kho chứa sản phẩm dầu khí cũng như các tòa nhà kết cấu thép chịu lực trên thế giới luôn có yêu cầu về hệ vật liệu chống cháy thụ động để bảo vệ các kết cấu thép và các khu vực làm việc của nhân viên nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và cho người lao động khi có hỏa hoạn xảy ra. Ở một số quốc gia như: Nga, Mỹ, Nhật... các quy định về sử dụng vật liệu để đảm bảo an toàn cho người và cho công trình xây dựng khi có cháy xảy ra đã được đặt ra từ lâu và thường xuyên được xem xét điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng nhanh chóng của xã hội.

Vật liệu chống cháy cách nhiệt dạng vữa

phun được sử dụng khá phổ biến trong các công trình công nghiệp, công trình dầu khí, hóa chất. Một số sản phẩm đặc biệt đáp ứng được các yêu cầu thẩm mỹ còn có thể sử dụng trong các công trình dân dụng, nội thất. Hiện nay trên thế giới có nhiều loại sản phẩm vữa phủ chống cháy, tuy nhiên tập trung vào 2 loại chủ yếu sau:

Loại thứ nhất: Vữa chống cháy thông thường. Đây là hệ vật liệu một thành phần được phối trộn sẵn từ các cốt liệu nặng có nguồn gốc khoáng sản tự nhiên, xi măng và các phụ gia hoạt tính điều chỉnh, được thiết kế để thi công bằng phương pháp phun lớp phủ chống cháy bảo vệ cho các kết cấu kim loại của các công trình dầu khí, nhà cao tầng và các công trình không bị biến dạng hay mất khả năng chịu lực khi xảy ra hỏa hoạn và duy trì an toàn cho người làm việc. Vật liệu này rất dễ dàng thi công và bảo trì, sửa chữa trong những điều kiện thời tiết khác nhau. Loại vữa này sau khi được thi công sẽ tạo nên một lớp phủ rắn như đá, có khả năng chịu được sự tác động nhiệt của đám cháy nhiên liệu cường độ cao đặc biệt là dạng phun lửa.

Loại thứ hai: Vữa chống cháy cách nhiệt. Đây là loại cao cấp hơn và là vữa chống cháy nhẹ cách nhiệt được thiết kế để thi công phun bảo vệ các kết cấu kim loại cho các dàn khoan ngoài khơi, tàu thủy và các kết cấu yêu cầu tiêu chuẩn chống cháy cao và tải trọng nhẹ. Đây là

hệ vật liệu một thành phần được phối trộn sẵn từ các cốt liệu nhẹ chịu nhiệt, cách nhiệt có nguồn gốc khoáng sản tự nhiên đã qua xử lý nhiệt, xi măng chịu nhiệt và các phụ gia hoạt tính, điều chỉnh. Với hệ vật liệu này, khi thi công xong cũng tạo nên một lớp phủ rắn như đá, có khả năng chịu tác động nhiệt của đám cháy nhiên liệu cường độ cao, đặc biệt là dạng phun lửa.

Ở Việt Nam, yêu cầu về sử dụng các dạng vật liệu không nguy hiểm cháy trong công trình xây dựng đã được đề ra từ lâu, trong các văn bản pháp quy kỹ thuật, như: TCVN 2622:1995; chương 11 của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - 1997; Điều 15 của Luật Phòng cháy chữa cháy. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến vật liệu được đề cập trong những văn bản này nhìn chung còn chưa cụ thể. Năm 2010, Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn cháy cho nhà và công trình với nội dung liên quan đến các đặc tính kỹ thuật về cháy của vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng đã được đề cập chi tiết và thuận lợi hơn cho việc áp dụng vào thực tế. Những quy định nêu trong Quy chuẩn này nhìn chung đã bám sát theo các hệ thống tiêu chuẩn hiện nay của một số quốc gia châu Âu.

Nhiều loại vật liệu hoặc sản phẩm xây dựng phục vụ đảm bảo an toàn cháy đang được sử dụng ở Việt Nam hiện nay được nhập khẩu từ nước ngoài. Điều này đặt ra vấn đề cần nghiên cứu và phát triển các vật liệu và hệ thống sản phẩm thay thế trong nước phù hợp với các điều kiện địa phương và giúp hạ giá thành xây dựng. Với sản phẩm vữa phun phủ chống cháy ở Việt Nam hiện nay có rất nhiều hãng nước ngoài cung cấp gói dịch vụ tư vấn, thi công chống cháy trọn gói. Tuy nhiên hiện chưa có đề tài hay công trình nào đề cập đến việc chế tạo vữa phun phủ chống cháy. Vì vậy, khi đề tài này được áp dụng vào thực tiễn sẽ tạo ra giá trị tăng

hàng triệu USD/năm, sản phẩm sản xuất ra có giá thành chỉ bằng 50 - 60% so với giá chào bán sản phẩm cùng loại của các hãng nước ngoài.

Lựa chọn chất kết dính: Xi măng Pooc lăng. Xi măng sử dụng trong sản xuất vữa vừa đóng vai trò là chất kết dính vừa đóng vai trò trực tiếp tới cường độ sản phẩm. Chính vì vậy, để sản phẩm có chất lượng tốt cần có nguyên liệu tốt, tỷ lệ thành phẩm và sử dụng tối ưu nguyên liệu. Xi măng có cường độ cao, ít các phụ gia độn thì có chất lượng sản phẩm càng tốt. Do vậy loại xi măng sản xuất thích hợp là loại xi măng PC. Nước ta có nhiều nhà máy sản xuất xi măng, tuy nhiên chủ yếu là sản xuất các loại xi măng hỗn hợp PCB30 và PCB40. Hiện tại chỉ còn một số ít nhà máy sản xuất xi măng Pooc lăng PC40, trong đó có nhà máy xi măng Bút Sơn với công nghệ lò quay hiện đại, chất lượng sản phẩm ổn định. Để thuận lợi cho quá trình sản xuất thực nghiệm cũng như ở quy mô công nghiệp sau này, xi măng Bút Sơn được nhóm nghiên cứu lựa chọn trong quá trình nghiên cứu của đề tài.

Phương pháp nghiên cứu: Ứng dụng phương pháp nghiên cứu thực nghiệm trong ngành vật liệu xây dựng, kiểm chứng bởi các tiêu chuẩn phương pháp thử quốc tế và trong nước để đánh giá tính chống cháy của vật liệu. Các chỉ tiêu cơ lý khác nhau của sản phẩm được đánh giá bằng các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Quá trình nghiên cứu chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy Cemgun 250 trong phòng thí nghiệm được triển khai theo các bước sau: Nghiên cứu lựa chọn thành phần vữa; nghiên cứu khả năng chống cháy của vữa. Về nghiên cứu cấp phối cơ sở, trước hết lượng chất kết dính xi măng Pooc lăng được xác định theo phương pháp thiết kế cấp phối bê tông hạt nhỏ, tỷ lệ nước/xi măng cần thiết để đảm bảo cường độ định trước. Tro bay được sử dụng làm phụ

gia giảm nước, có tác dụng hạn chế suy giảm cường độ ở nhiệt độ cao do SiO_2 hoạt tính phản ứng với CaO sinh ra. Hàm lượng tro bay được lựa chọn để khảo sát là từ 5-10%. Sau khi tiến hành thí nghiệm, nhóm nghiên cứu đưa ra nhận xét, khi tăng hàm lượng phụ gia SD 0,08 - 0,24% với điều kiện thí nghiệm ở nhiệt độ 22 - 26°C thì: Cường độ nén của mẫu sau 28 ngày đều tăng cao so với khi tăng lượng xi măng và đạt giá trị 29,6 MPa với mẫu có hàm lượng phụ gia SD 0,08%, đạt yêu cầu đặt ra là 25 MPa; độ co của mẫu tại 1.000°C giảm từ 0,47% xuống còn 0,21% khi dùng 0,08% phụ gia siêu dẻo.

Nghiên cứu chế tạo vữa cách nhiệt Vermiculite/Perlit 750. Cũng giống như vữa cách nhiệt chống cháy Cemgun, việc xây dựng cấp phối cơ sở của vữa cách nhiệt Vermiculite/Perlit 750 phải dựa trên cường độ yêu cầu của sản phẩm. Do Vermiculite là cốt liệu nhẹ có độ hút nước rất cao, vì vậy trong quá trình xác định cấp phối tối ưu, đề tài sử dụng phụ gia phân tán với hàm lượng 0,5% để có thể phân tán đồng đều cốt liệu - kết dính trong quá trình trộn. Khi sử dụng 0,5% phụ gia phân tán, quá trình trộn vữa rất dễ dàng, hàm lượng nước thấp, sản phẩm có cường độ đạt yêu cầu. Để xác định hàm lượng chất phân tán tối ưu, đề tài thí nghiệm với các hàm lượng phụ gia phân tán khác nhau. Khi hàm lượng phụ gia phân tán tăng từ 0,2 - 1%, lượng nước trộn

giảm, khối lượng thể tích tăng rõ rệt, cường độ sau sấy và sau nung cũng tăng lên. Tuy nhiên, khi hàm lượng phân tán sử dụng với hàm lượng 0,85% thì cường độ sau nung suy giảm so với sử dụng ở mức 0,65% phụ gia phân tán. Do đó, đề tài lựa chọn hàm lượng phụ gia phân tán sử dụng vữa trong cốt liệu nhẹ Vermiculite là 0,65%.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, kết quả quá trình sản xuất thử nghiệm ứng dụng thử sản phẩm vào thực tiễn, nhóm đề tài đã tiến hành xây dựng quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm nhằm mục đích xây dựng một quy trình sản xuất chuẩn cho loại sản phẩm này để có thể chuyển giao công nghệ cho các đơn vị muốn đầu tư sản xuất. Thiết kế công nghệ được thiết lập dựa trên các cơ sở sau: Yêu cầu về sản lượng, chủng loại sản phẩm và yêu cầu chất lượng; nhu cầu về nguyên liệu đầu vào, giải pháp cung ứng; phương án bố trí dây chuyền mặt bằng; hợp lý hóa công nghệ, tiết kiệm chi phí xây dựng, tăng hiệu quả sản xuất; điều khiển dễ dàng, có khả năng mở rộng quy mô sản xuất; tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trong khu công nghiệp trên quy mô sản xuất thực nghiệm chế tạo sản phẩm của đề tài./.

TS. Lưu Thị Hồng - ThS. Nguyễn Thị Kim
Viện VLXD (Bộ Xây dựng)

Ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế

Ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế đã trở thành điểm nóng trong sự phát triển của ngành xây dựng hiện nay, cũng là phương hướng trong sự phát triển của ngành xây dựng trong tương lai. Kỹ thuật thiết kế lắp ghép BIM là chuyển các tác nghiệp tại hiện trường truyền thống sang thực hiện tại

công xưởng, sau khi hoàn tất mới vận chuyển tới hiện trường thi công, căn cứ theo phương thức chính xác, đáng tin cậy đã có để thi công lắp ghép tại hiện trường.

1. Tính cần thiết của việc ứng dụng kỹ thuật BIM

Trong trường hợp thông thường, việc thiết kế

công trình nhà ở là một công trình to lớn, trong quá trình thiết kế công trình, nhân viên thiết kế cần thiết kế tới từng chi tiết để đảm bảo chất lượng của toàn bộ thiết kế công trình nhà ở. Điều này yêu cầu phải phối hợp tốt các khâu thiết kế và thi công trong mỗi một giai đoạn của nhà ở lắp ghép tiền chế, tránh sự kết nối thiếu hài hòa trong các khâu ở mỗi một giai đoạn. Nếu như trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế khâu thiết kế và khâu thi công của nhân viên thiết kế công trình không hài hòa hoặc tồn tại nhiều khác biệt sẽ trực tiếp khiến cho việc thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế không thể tiến hành bình thường, lúc này việc ứng dụng của kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế trở nên hết sức cần thiết. Trong quá trình thi công nhà ở truyền thống, nhân viên thi công cần nắm rõ việc lắp đặt cấu kiện của mỗi một mẫu vật phẩm, đồng thời phải căn cứ theo yêu cầu có liên quan của phụ kiện để tiến hành lắp đặt, việc thực thi quá trình này thực chất rất khó khăn, nhưng khi ứng dụng kỹ thuật BIM vào trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế thì lại giải quyết được điểm khó này, giúp quá trình thi công trở nên đơn giản hơn, nâng cao tiến độ, hiệu quả của toàn quá trình thi công, không chỉ giảm thiểu áp lực và lượng công việc cho nhân viên mà còn nâng cao hiệu quả và tính chính xác của việc thi công.

2. Ưu điểm của việc ứng dụng kỹ thuật BIM

Việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế không chỉ cần thiết mà còn hết sức quan trọng. Trong công trình xây dựng truyền thống, việc thiết kế, lắp đặt và thi công đều tiến hành trên bản vẽ, mức độ chính xác của nó đều chịu ảnh hưởng của quá trình nhân viên thực thi, ít nhiều đều có những sai lệch, trong khi đó việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế lại có thể giải quyết tốt những khó khăn này, điều này có nghĩa là việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế có ưu thế hơn so với việc thi công cấu kiện truyền thống, ưu thế này

chủ yếu thể hiện ở việc kỹ thuật BIM thực hiện việc xây dựng công trình ảo, giải quyết những vấn đề khó tồn tại trong thiết kế công trình truyền thống, có lợi cho việc tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái...

- Kỹ thuật BIM thực hiện xây dựng công trình ảo

Mô hình công trình ảo BIM là thực hiện xây dựng ảo trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiền chế. Trong thực tế, việc thi công gặp phải rất nhiều vấn đề và hiểm họa, những nhân tố này sẽ cản trở tiến độ thi công và ảnh hưởng tới công trình. Tuy nhiên, việc thực hiện xây dựng công trình ảo của kỹ thuật BIM giải quyết được vấn đề này, tiến hành thi công trong mô hình ảo, một số vấn đề và hiểm họa đều sẽ được tránh trước hoặc các phương án giải quyết đã được đưa ra từ trước, giúp tìm ra các hiểm họa và vấn đề trong thi công thực tế và giải quyết nó, đây chính là một ưu thế lớn của kỹ thuật BIM

- Kỹ thuật BIM giải quyết các vấn đề khó tồn tại trong thiết kế công trình truyền thống

Trong thiết kế công trình nhà ở truyền thống, các nhà thiết kế sẽ vẽ ra bản vẽ 2D trước, sau đó là bản vẽ lập thể, quá trình này đã làm hao tổn nhiều tâm sức của người thiết kế, độ chuẩn xác của công trình cũng khiến các nhà thiết kế thận trọng. Quá trình thiết lập bản vẽ này là một quá trình phức tạp, không thể tránh khỏi những sai sót. Trong khi đó, kỹ thuật BIM lại có thể giải quyết được những vấn đề này, nó không đòi hỏi lãng phí sức người cho việc tạo ra bản vẽ, tiết kiệm thời gian cho nhân viên, đồng thời lại tránh được sai sót trong quá trình thiết kế, điều này đã giải quyết được các vấn đề lớn tồn tại trong thiết kế công trình truyền thống.

- Kỹ thuật BIM có lợi cho việc tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

Hệ thống kết cấu công trình lắp ghép tiền chế chủ yếu bao gồm kết cấu bê tông chế sẵn, kết cấu thép, kết cấu gỗ..., trong đó hệ thống kết cấu bê tông tiền chế lại bao gồm kết cấu tấm tường ngoài, kết cấu khung lắp ghép, kết

cấu tường chịu lực lắp ghép, hệ thống kết cấu hỗn hợp tường chịu lực khung lắp ghép. Kỹ thuật BIM chuyển một lượng lớn các tác nghiệp tại hiện trường sang tiến hành tại công xưởng, các cấu kiện được gia công xong tại công xưởng mới được vận chuyển tới hiện trường thi công công trình, thông qua phương thức kết nối đáng tin cậy để lắp ghép tại hiện trường, thực hiện cấu kiện hóa và công nghiệp hóa việc xây dựng nhà ở, tạo nên các công trình xanh, bảo vệ môi trường, Cacbon thấp và tiết kiệm năng lượng.

3. Tính hạn chế của việc ứng dụng kỹ thuật BIM

Thiết kế nhà ở truyền thống mặc dù có rất nhiều thiếu sót và những chỗ chưa đạt yêu cầu, tuy nhiên cũng có nhiều điểm tốt. So sánh với thiết kế nhà ở truyền thống, việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế cũng không phải chỉ có ưu thế mà không có khuyết điểm. Tính hạn chế của việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế chủ yếu thể hiện ở các phương diện như hạn chế về mặt chính sách, hạn chế về hệ thống công trình và hạn chế về tiêu chuẩn.

- Sự hạn chế về mặt chính sách

Sự phát triển của mỗi loại kỹ thuật đều không thể tách rời sự hỗ trợ của các chính sách, nếu như không có sự hỗ trợ chính sách tương ứng thì rất khó mở ra cục diện phát triển. Hiện tại, một số quốc gia vẫn chưa có sự hỗ trợ đầy đủ đối với các doanh nghiệp, hình thức khen thưởng đơn nhất, hơn nữa không coi trọng sự phát triển ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế, mức độ tuyên truyền về kỹ thuật BIM cũng không đầy đủ, người tiêu dùng vẫn còn hoài nghi về kỹ thuật này, chưa sẵn sàng mua nhà ở lắp ghép, điều này khiến việc ứng dụng kỹ thuật BIM chịu sự hạn chế về mặt chính sách.

- Sự hạn chế về mặt hệ thống công trình

Hệ thống công trình chưa hoàn thiện cũng là

một trong những nguyên nhân quan trọng hạn chế sự phát triển của việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép chế sẵn. Ví dụ, trong một công trình thi công, lần lượt giao việc thiết kế, lắp đặt, thi công cho các công ty thiết kế và doanh nghiệp thi công khác nhau, rất ít công ty hay doanh nghiệp sử dụng mô hình tổng thầu dự án, trong khi đó kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế có yêu cầu nhất thể hóa đối với thiết kế, lắp đặt và thi công khá cao, điều này đồng thời yêu cầu công ty tổng thầu phải có năng lực thiết kế, năng lực lắp đặt và năng lực thi công khá cao, nhưng số lượng công ty có tố chất như vậy khá ít, điều này khiến kỹ thuật BIM phải chịu hạn chế trong hệ thống công trình.

- Sự hạn chế về mặt tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn về các cấu kiện tiên chế không thống nhất, các bộ phận thông dụng rất ít, điều này cũng là một nhân tố hạn chế trực tiếp ảnh hưởng tới việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế.

4. Tổng kết

Việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế là cần thiết khi nó đóng vai trò là một loại kỹ thuật mới, hơn nữa việc ứng dụng kỹ thuật BIM thực hiện việc xây dựng công trình ảo, giải quyết những vấn đề khó trong thiết kế công trình truyền thống, có lợi cho việc tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái. Tuy nhiên, song song với những ưu thế trên, việc ứng dụng kỹ thuật BIM trong thiết kế nhà ở lắp ghép tiên chế chịu hạn chế bởi các nhân tố như chính sách, hệ thống công trình, tiêu chuẩn cấu kiện tiên chế.../.

Trương Uyên

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc,
số 6/2018*

ND: Kim Nhạn

Các công nghệ kháng chấn trong xây dựng hiện đại

Kháng chấn là khả năng của một tòa nhà/ công trình chịu được tác động của động đất hoặc ảnh hưởng từ hoạt động núi lửa. Tác giả bài viết sẽ tóm tắt một số công nghệ đang được ứng dụng rộng rãi tại Liên bang Nga và các quốc gia khác nhằm mục đích giảm thiểu các tác động từ những vấn đề liên quan.

Liên bang Nga

Trên toàn lãnh thổ Liên bang Nga, có rất nhiều khu vực nguy cơ địa chấn rất cao như vùng Bắc Kavkaz, Altai, Sayans, Kurils, Kamchatka, Amur, Baikal... Ở những nơi này, những vấn đề liên quan tới động đất luôn dễ nhận biết, ngay từ thời kỳ xây dựng thấp tầng phát triển. Trong thế kỷ XX, với sự phát triển xây dựng, nhà cao tầng xuất hiện ngày càng nhiều, theo đó, vấn đề về khả năng kháng động đất của các công trình cao tầng nảy sinh. Cần nhớ rằng cho tới thời điểm hiện nay, gần 80% các tòa nhà/ công trình của Nga không được trang bị tính năng kháng động đất. Ngay cả ở Chechnya - nơi có nhiều cơn địa chấn và rất nhiều công trình đã phải xây mới trong thời gian qua - mức dự phòng kháng chấn cũng chưa đạt được 2 - 3 điểm trên thang độ Richter.

Đối với nhà ở, nguy cơ cao nhất thuộc về các tòa nhà nhiều tầng xây bằng gạch, bởi vì với những chấn động ngầm, các bức tường sẽ bị vỡ vụn và vùi lấp người dân. Đây là giải pháp cho những tình huống này?

Tại Ust-Labinsk, các nhà khoa học đã tiến hành các thử nghiệm gia cố móng, đưa vào một hệ thống dự phòng cường độ cho các tòa nhà 4 - 5 tầng, và một số tòa nhà 9 tầng. Trong các thử nghiệm này, các loại bê tông "dẻo" (bê tông có tính đàn hồi) bắt đầu được áp dụng.

Nhiều tòa tháp chọc trời đã được xây dựng tại Ekaterinburg thời gian qua như Isetch, Vysotski... Về đặc điểm địa lý, thành phố nằm trên các đường nút kiến tạo, trong một khu vực có nguy cơ động đất rất cao. Khi xây dựng các

tòa nhà cao tầng, bê tông cường độ cao và cốt có đường kính lớn được sử dụng, cộng với việc gia tăng mật độ đặt cốt trong tường. Tất cả các tòa nhà xây khung đều được áp dụng bê tông cốt thép, với móng tấm bê tông.

Theo nguyên tắc tương tự, tòa tháp "Liên bang" đã được xây dựng tại Moskva. Nhiều người cho rằng Moskva không có động đất. Tuy nhiên, trên thực tế, rung chấn từ các trận động đất ở những khu vực lân cận, thậm chí rất xa Moskva (như các trận động đất xảy ra tại Carpathians) lan tới tận Thủ đô; người dân Moskva có thể cảm nhận những rung lắc đạt đến 2 độ Richter. Tại những khu vực xa tâm chấn như Moskva, không chỉ những chấn động rất rõ ở mặt đất, mà mức gia tăng rung lắc cũng được cảm nhận, tức là nếu tòa nhà được xây trên nền đất đá xốp thì sự rung lắc tăng lên, và cứ lên cao thêm mỗi 5 tầng, mức độ rung lắc lại có thể được nâng lên một bậc.

Các tòa tháp chọc trời thuộc tổ hợp Moskva City "được cứu" do được xây dựng trên nền đá vôi cứng - vốn được coi là một trong những loại đất có khả năng kháng chấn cao và bền vững nhất. Ngoài ra, phần lõi các tháp đều là các khung chữ nhật bằng bê tông cốt thép, giúp cả tòa tháp không bị nghiêng lệch khi gió giật.

Các công nghệ không ngừng phát triển, và các kỹ sư, các nhà xây dựng Nga đã tiếp thu rất nhanh kinh nghiệm của các đồng nghiệp nước ngoài, đặc biệt từ Nhật Bản, nước láng giềng tiếp giáp qua khu vực Kirils phải đối mặt với nguy cơ động đất thường xuyên.

Châu Á

Nhật Bản và các nước láng giềng thường xuyên đối mặt với các trận động đất, sóng thần, bão. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, Hồng Kông và Đài Loan, các tòa nhà chọc trời vẫn không ngừng vươn lên, với các công nghệ xây dựng tiên tiến nhất, kèm theo các tiêu chuẩn - quy chuẩn mới. Nhật Bản đã nghiên cứu bộ quy tắc đơn giản



Tòa tháp Isetch (Ekaterinburg, Nga)

nhất để xây dựng các công trình có tính năng kháng chấn phù hợp với mọi quốc gia.

Quan trọng nhất là nguyên tắc phân bố đồng đều độ cứng và khối lượng các kết cấu. Tính đồng nhất được bảo đảm bằng các yếu tố lắp ghép gia cường và các đường nút kháng chấn, trong phạm vi các đường nút này, các tấm tường có thể dịch chuyển mà tòa nhà không có nguy cơ bị phá vỡ. Việc xếp gạch thủ công để xây chỉ có thể thực hiện đối với các công trình cao tối đa 5 tầng, với các hình dáng đơn giản và đối xứng - hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn và hình lục lăng. Người Nhật không ngăn cản óc sáng tạo, nhưng trong trường hợp này, công trình cần bao gồm một số khối kết cấu theo quy định.

Nhật Bản là một trong những quốc gia đi đầu về phát triển các công nghệ xây dựng kháng động đất. Hiện nay, các công nghệ của Nhật đang được nhiều nước áp dụng. Một số công nghệ mới nhất như:

- “Móng nổi”: Giữa nền và công trình có một lớp gối đệm bằng cao su chì, cho phép móng “đi” xuống dưới tòa nhà khi có chấn động mạnh xảy ra, mà không kéo theo công trình chính. Thời gian gần đây, các nhà xây dựng đã nghiên cứu bổ sung một đệm không khí có gắn các cảm ứng. Khi có những dấu hiệu đầu tiên của hoạt động địa chấn, thiết bị nén sẽ nâng cả tòa nhà lên vài cm, nhờ đó, công trình được cô lập khỏi các chấn động;

- Lớp thiết bị cách chấn bằng hợp kim có



Quả lắc khổng lồ để cân bằng trọng lực cho tháp chọc trời Taipei 101 (Đài Loan)

hiệu ứng nhớ, có thể thay đổi hình dáng khi rung lắc, và sau đó trở về trạng thái ban đầu. Do chấn động lan truyền trong đất nền nên biện pháp hữu hiệu nhất để hạn chế tác động từ sóng ngầm là tách rời hoàn toàn công trình khỏi đất nền. Tuy nhiên, điều này là không thể, các kỹ sư chỉ có thể đưa vào một lớp thiết bị đặc biệt “đệm” giữa công trình và đất nền, gọi là thiết bị cách chấn. Thiết bị bằng hợp kim có độ cứng thấp nên khi nền đất rung chuyển, thiết bị có biến dạng lớn, kết cấu phía trên nhờ có quán tính lớn nên chỉ chịu một dao động nhỏ. Hư hại về kết cấu và thiết bị bên trong công trình nhờ đó được giảm thiểu;

- Bộ giảm xóc dưới dạng con lắc ở trên đỉnh tòa nhà (hay còn gọi là van điều tiết khối lượng -TMD) có thể giữ tòa nhà, buộc nó phải chuyển động theo hướng ngược lại. Dựa theo nguyên tắc này, Đài Loan đã xây dựng thành công tòa tháp chọc trời “Taipei 101”. Quả cầu thép nặng 730 tấn cố định bởi các cáp thép gắn trên cao, phản ứng với chuyển động bằng cách dịch chuyển theo hướng ngược lại. Do đó, khi có động đất hay gió mạnh khiến tòa nhà xoay sang phải, hệ thống TMD sẽ phản ứng lại bằng cách xoay sang trái - giảm thiểu tối đa sự dịch chuyển. Tuy nhiên, chi phí cho công nghệ này cực kỳ lớn.

Mỹ Latin

Trong những năm gần đây, sự hợp tác về kinh tế và công nghệ được Chính phủ Liên bang



Tòa tháp chọc trời Torre Mayor (Mexico City)

Nga tầng cường không chỉ với phương Đông mà cả phương Tây, đặc biệt là với Nam Mỹ. Trong bối cảnh đó, các kỹ sư địa chấn và các nhà xây dựng Nga đã có nhiều cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ các đồng nghiệp Mỹ Latinh.

Trung và Nam Mỹ từ thời xa xưa luôn hứng chịu quy luật đáng sợ này của tự nhiên. Các khu vực bị ảnh hưởng động đất nhiều nhất hiện nay là Mexico, El Salvador, Guatemala, Colombia và Chile, do các quốc gia nằm ngay vị trí liên kết của các mảng kiến tạo.

Kể từ trận động đất ở Manizales (Colombia) năm 1878, phong cách temblorero trở nên phổ biến - các công trình bằng tre pha trộn với bùn. Nhà ở có 2-3 tầng được xây dựng từ các vật liệu khác nhau. Tầng 1 thường là đất nện - một dạng vật liệu là hỗn hợp của đất nhão và cát. Hỗn hợp được đổ và “đúc khuôn” trong thùng gỗ. Tầng thứ hai thường là đất sét nện. Các tầng đầu tiên thực hiện chức năng chịu tải, đồng thời bảo đảm năng lực biến dạng dưới tác động ứng suất từ các tải trọng ngang (do hoạt động địa chấn và gió). Điều lý thú là kỹ thuật tương tự như vậy từ lâu cũng đã được áp dụng ở nửa bán cầu phía đông, trong đó có Tadzikistan.

Trong thế kỷ XX, việc xây dựng các tòa tháp chọc trời bắt đầu lan rộng khắp thế giới. Ở Mỹ Latinh, những tòa nhà cao tầng đầu tiên được xây dựng vào những năm 1970. Tòa tháp Torre Colpatria tại Bogota, Colombia (1978) được xây trên nền đất sét, có sử dụng công nghệ mới vào



Tòa tháp Torre Titanium la Portada (Santiago, Chile)

thời điểm đó - 24 giếng có độ sâu 50 m dành cho móng bê tông, sử dụng cốt thép gia cường cho tòa nhà tại những vị trí thang máy và các khu vực kỹ thuật.

Con số các tòa nhà chọc trời không ngừng tăng lên mỗi năm. Torre Mayor tại Mexico City được khánh thành vào năm 2003, được xây mới tại khu vực tâm chấn của trận động đất năm 1985. Tòa nhà mới bằng thép và bê tông với các cột thép trong vỏ bọc bê tông cốt thép tới tầng 30, phía trên nữa là các khung thép. Dọc theo tòa nhà, 98 bộ giảm chấn - giảm xóc được gắn chắc vào các giá thép. Công nghệ này học từ quân đội Mỹ. Các tiêu chuẩn xây dựng được thắt chặt, bởi Mexico hiện nay nằm ở đáy của một hồ nước lớn trước đây, do vậy đất ở đây chủ yếu là bùn. Torre Mayor được thiết kế để có thể chịu được những trận động đất mạnh tới 9 độ Richter, và là tòa nhà cao nhất Mỹ Latinh cho tới năm 2010.

Torre Titanium La Portada tại Santiago, Chile (2010) có thể chịu được động đất tới 8,5 độ Richter. Tòa nhà đã trải qua một số trận động đất, trận động đất đầu tiên xảy ra ngay tại thời điểm nghiệm thu công trình. Các nguyên vật liệu sử dụng gồm bê tông cốt thép và thép trong kết cấu; mặt tiền bằng đá granit, kính và nhôm. Tòa nhà có 7 tầng ngầm và neo sâu dưới đất 50 m, với 65 cột trụ bằng bê tông và thép. Đây là công trình đầu tiên ở khu vực Nam Mỹ được cấp chứng nhận xanh trong hệ thống đánh

giá LEED của Hội đồng Công trình xanh (Mỹ).

Thực tế hiện nay tại Nam Mỹ, bên cạnh các tòa nhà chọc trời đẹp mắt, nhà ở thấp tầng cũng rất phổ biến. Ưu điểm thấy rõ của nhà thấp tầng là: Khi bị tàn phá, tổn hại cũng không quá lớn. Tuy nhiên, trên lục địa có rất nhiều công trình tự xây không có bản vẽ, và để được cấp phép xây dựng, thông thường chỉ cần chỉ định người quản lý dự án hoặc kiến trúc sư. Do đó, xây dựng tư nhân tại khu vực này - như trước kia - vẫn cần dựa trên temblorero và những bức tường đất sét - gỗ.

Bài viết đã khái quát ngắn gọn về các công nghệ kháng động đất trên thế giới, qua đó làm rõ: Các nguyên tắc xây dựng cơ bản tại các khu

vực khác nhau trên thế giới không có sự khác biệt đáng kể. Các bước chính là tiến hành khảo sát địa chấn và lựa chọn đúng địa điểm xây dựng; thiết kế một trung tâm (lõi) chịu lực của công trình; đơn giản hóa, làm nhẹ các kết cấu trên cao; thiết lập hệ thống giảm chấn – giảm xóc dưới các hình thức khác nhau - có thể là một quả cầu lớn lơ lửng ở các tầng phía trên cao, hoặc đơn giản là một bức tường đàn hồi bằng bùn./.

Anikina Alla

*Nguồn: Tạp chí internet Berlogos
(www.berlogos.com) tháng 11/2017*

ND: Lê Minh

Hội nghị Thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040

Ngày 25/9/2018, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo UBND và đại diện các Sở, ban, ngành tỉnh Thanh Hóa, đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các hội, hiệp hội chuyên ngành là thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng.

Tại Hội nghị, đại diện đơn vị tư vấn (Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa) nêu lên lý do, sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. Theo đó, Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng TP. Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/1/2009, qua 9 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, cũng có một số bất cập, hạn chế, không còn phù hợp với yêu cầu phát triển của tình hình mới.

Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040 nhằm: Điều chỉnh các vấn đề đã kết luận theo rà soát quy hoạch như khắc phục những bất cập của đồ án quy hoạch đã được duyệt, cập nhật đồng bộ các dự án, quy hoạch mới trong quá trình lập, phê duyệt, thực hiện trong thực tế; đáp ứng chủ trương, định hướng mới của tỉnh Thanh Hóa và của Nhà nước; điều chỉnh theo hướng phù hợp với xu thế toàn cầu về phát triển đô thị, như đô thị thông minh, phát triển bền vững, đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phạm vi khu vực lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040 bao gồm toàn bộ địa giới hành chính TP. Thanh



Toàn cảnh Hội nghị

Hóa và huyện Đông Sơn, ranh giới: phía Đông giáp huyện Hoằng Hóa, TP. Sầm Sơn; phía Tây giáp huyện Triệu Sơn, Thiệu Hóa; phía Nam giáp huyện Quảng Xương, Nông Cống; phía Bắc giáp huyện Hoằng Hóa, Thiệu Hóa. Quy mô diện tích khu vực nghiên cứu khoảng 232,64km², quy mô lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 phục vụ đồ án khoảng 255km².

Nhiệm vụ đề ra những yêu cầu cần được giải quyết trong đồ án quy hoạch, như: Định hướng phát triển không gian đô thị; quy hoạch sử dụng đất đai; định hướng xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật; đề xuất một số chỉ tiêu kinh tế, xã hội cơ bản...

Để hoàn thiện Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040, các chuyên gia thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã đưa ra những ý kiến góp để đơn vị tư vấn tiếp thu và chỉnh sửa nội dung trong các lĩnh vực như: Quy hoạch; kiến trúc; hạ tầng kỹ thuật; đầu tư; giao thông; tài nguyên môi trường; văn hóa thể thao; an ninh quốc phòng...

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng cho biết, Hội đồng nhất trí với đề xuất

phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040, song yêu cầu đơn vị tư vấn làm rõ hơn cơ sở để đưa địa giới hành chính huyện Đông Sơn vào phạm vi điều chỉnh quy hoạch.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh yêu cầu nội dung đồ án quy hoạch cần bổ sung tính chất du lịch của đô thị Thanh Hóa, đồng thời xác định rõ ranh giới khu vực nội thị, ngoại thị, cũng như phân định các giai đoạn phát triển của đô thị

thanh hóa để xây dựng chương trình đầu tư, phát triển phù hợp. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh yêu cầu đơn vị tư vấn tiếp thu đầy đủ những ý kiến góp ý các thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng để hoàn thiện Báo cáo, và Tờ trình, sớm gửi Bộ Xây dựng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu

Ngày 27/9/2018 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu đến năm 2030. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có ông Lò Minh Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La; đại diện các Bộ ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng - thành viên của Hội đồng thẩm định.

Báo cáo tóm tắt nội dung của Đồ án, đại diện đơn vị tư vấn lập quy hoạch - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) cho biết: Khu du lịch quốc gia Mộc Châu nằm trên địa bàn huyện Mộc Châu và huyện Vân Đồn, tỉnh Sơn La, có tổng diện tích tự nhiên 206.150ha (theo Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030). Khu DLQG Mộc Châu đã được Chính phủ và tỉnh Sơn La định hướng xây dựng và phát triển để trở thành khu vực động lực phát triển du lịch của tỉnh Sơn La và của vùng du lịch trung du miền núi Bắc Bộ với hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị

hiệu và sức cạnh tranh cao gắn với cảnh quan tự nhiên và bản sắc văn hóa các dân tộc.

Việc lập Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu DLQG Mộc Châu đến năm 2030 nhằm cụ thể hóa Quyết định số 2050/QĐ-TTg và Quyết định số 588/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu DLQG Mộc Châu đến năm 2030. Đồ án này sẽ là cơ sở pháp lý để tỉnh Sơn La quản lý xây dựng và kiểm soát phát triển Khu DLQG Mộc Châu cũng như tạo điều kiện thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn.

Theo Thuyết minh của Đồ án, phạm vi nghiên cứu của Đồ án là toàn bộ diện tích tự nhiên của Khu DLQG Mộc Châu (206.150ha), trong đó khu Trung tâm du lịch trọng điểm có



Toàn cảnh Hội nghị

diện tích 1.500 ha. Khu DLQG Mộc Châu có tính chất là khu du lịch sinh thái, văn hóa với các loại hình du lịch đa dạng; là vùng trọng điểm phát triển kinh tế, đô thị phía Nam của tỉnh Sơn La; là khu vực bảo tồn sinh thái quốc gia và có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

Đồ án quy hoạch phân chia toàn bộ địa giới Khu DLQG Mộc Châu thành 03 vùng kiểm soát, quản lý phát triển:

Phân vùng phía Bắc- Đông Bắc chủ yếu là các xã nằm dọc theo sông Đà là tiểu vùng phát triển dân cư, nông nghiệp, sinh thái gắn liền với cây lương thực, chăn nuôi đại gia súc và khai thác du lịch văn hóa, du lịch trên sông Đà - là vùng sử dụng đất xây dựng hạn chế, mật độ thấp;

Phân vùng trung tâm bao gồm thị trấn Mộc Châu, thị trấn Nông trường Mộc Châu và các xã khu vực trung tâm thuộc huyện Mộc Châu và Vân Hồ là tiểu vùng động lực phát triển kinh tế đô thị - du lịch - nông nghiệp gắn với khai thác lợi thế tuyến đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu và Quốc lộ 6, phát triển nông nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm đặc trưng gồm chè, rau, hoa, các sản phẩm sữa... Đây là vùng sử dụng đất xây dựng mật độ trung bình và thấp.

Phân vùng Nam - Tây Nam là tiểu vùng biên giới gắn với rừng đặc dụng Xuân Nha - là vùng phát triển dân cư, phát triển dịch vụ thương mại và du lịch quốc tế qua cửa khẩu Lóng Sập, du lịch sinh thái rừng đặc dụng Xuân Nha - là vùng sử dụng đất xây dựng hạn chế, mật độ thấp.

Về hệ thống đô thị trên địa bàn, Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu DLQG Mộc Châu định hướng đô thị Mộc Châu (gồm thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu) là trung tâm của Khu DLQG Mộc Châu sẽ trở thành đô thị du lịch xanh, sinh thái, hiện đại, đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV vào năm 2020; Đô thị Vân Hồ (đô thị huyện lỵ của huyện Vân Hồ) là trung tâm dịch vụ hỗ trợ cho Trung tâm du lịch trọng điểm của Khu DLQG Mộc Châu sẽ đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trong giai đoạn 2018-2020; Đô thị cửa khẩu Lóng Sập đóng vai trò hỗ trợ cho phát triển kinh tế - xã hội và dân cư của khu vực biên giới, đạt tiêu chuẩn đô thị loại VI giai đoạn 2020 - 2025; Đô thị Tô Múa hỗ trợ cho sự phát triển dân cư nông thôn, nông lâm, thủy sản vùng dọc sông Đà, đạt tiêu chuẩn đô thị loại V giai đoạn 2025 - 2030; Đô thị Chiềng Sơn - hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế - xã hội và dân cư của tiểu vùng biên giới gắn với rừng đặc dụng Xuân Nha, đạt tiêu chuẩn đô thị loại V vào giai đoạn sau 2030.

Các khu du lịch được xác định trong Đồ án là các khu vực có tài nguyên du lịch hấp dẫn, được quy hoạch và đầu tư phát triển để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, bao gồm: Rừng thông Bản Áng, Thác Dải Yếm, Trung tâm thương mại cửa khẩu Lóng Sập, Ngũ động Bản Ôn, Khu du lịch cộng đồng Chiềng Yên, khu du lịch sinh thái rừng Pa Cốp, rừng Xuân Nha. Hệ thống các điểm du lịch về tinh bao gồm các bản văn hóa dân tộc, các điểm di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh, các điểm danh thắng và suối nước khoáng.

Trung tâm du lịch trọng điểm của Khu DLQG Mộc Châu gồm 03 khu: Trung tâm nghỉ dưỡng Mộc Châu; Trung tâm du lịch sinh thái Mộc Châu; Trung tâm vui chơi giải trí Mộc Châu có quy mô khoảng 2.000 ha (trong đó các khu vực dân cư lân cận quy mô 500ha).

Trung tâm du lịch sinh thái Mộc Châu nằm trên địa bàn thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu có diện tích 442ha, là khu vực

tập trung các loại hình sản phẩm du lịch như du lịch sinh thái, văn hóa, dịch vụ lưu trú, mật độ xây dựng thấp và trung bình, chú trọng bảo tồn khu vực đồi chè ở phía Bắc và Tây Bắc.

Trung tâm vui chơi giải trí cao cấp Mộc Châu nằm trên địa bàn xã Phiêng Luông (huyện Mộc Châu) xã Vân Hồ, Chiềng Khoa (huyện Vân Hồ) có diện tích 460ha, là khu vực tập trung các loại hình sản phẩm du lịch chính như vui chơi giải trí, (công viên, cáp treo...) nghỉ dưỡng, dịch vụ lưu trú...

Trung tâm nghỉ dưỡng cao cấp Mộc Châu nằm trên địa bàn các xã Phiêng Luông và Vân Hồ có diện tích 600ha là khu vực tập trung phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, các khu phục vụ nghỉ dưỡng (sân golf, công viên, giải trí) và các khu dân cư dịch vụ.

Đánh giá về Đồ án, các chuyên gia phản biện của Hội đồng cho rằng, thuyết minh Đồ án đã bám sát nhiệm vụ quy hoạch theo Quyết định 588/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các phân tích thực trạng, dự báo phát triển, phân vùng phát triển, định hướng không gian và định hướng phát triển hạ tầng, các dự án ưu tiên đầu tư... trong Đồ án cơ bản phù hợp với tính chất du lịch. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu thêm một số vấn đề: Làm rõ sự gắn kết giữa định hướng phát triển của các ngành kinh tế với mục tiêu phát triển du lịch (dịch vụ, thương mại, thông tin, xây

dựng, môi trường); rà soát các khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ quét, sạt lở đất và có giải pháp phòng ngừa; rà soát lại các số liệu dự báo; xác định quỹ đất dự trữ phát triển...

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định cũng đã cho ý kiến về Đồ án, trong đó đề nghị nhóm tác giả rà soát số liệu về sử dụng đất, đánh giá sự phù hợp quy hoạch của các dự án đang triển khai trên địa bàn, lồng ghép quy hoạch du lịch vào quy hoạch xây dựng...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đánh giá cao nỗ lực của đơn vị tư vấn trong việc nghiên cứu lập Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu QLQG Mộc Châu đến năm 2030; Đồ án về cơ bản đã bám sát nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ của UBND tỉnh Sơn La với đơn vị tư vấn và các Bộ, ngành Trung ương trong quá trình triển khai lập Đồ án, đồng thời cho biết, sau Hội nghị này, Bộ Xây dựng sẽ có Thông báo ý kiến của Hội đồng thẩm định, trên cơ sở đó, đề nghị UBND tỉnh Sơn La tiếp tục phối hợp và chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu để chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật vào Đồ án, sớm hoàn thiện gửi Bộ Xây dựng để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./

Minh Tuấn

Hội nghị triển khai kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh

Ngày 27/9 tại thành phố Hồ Chí Minh, Cục phát triển đô thị phối hợp với Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) và Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030 và quy định chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh. Đại diện các đô thị khu vực Miền Đông và Miền Tây Nam bộ đã tới dự.

Đây là hội nghị thứ 3 được tổ chức ở khắp 3 miền trên cả nước nhằm tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách và định hướng về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, góp phần định hướng cho các địa phương xác định các nhiệm vụ cần triển khai trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, đồng thời nâng cao năng lực cho các nhà quản lý về xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.

Báo cáo tại Hội nghị, TS Trần Quốc Thái -



TS Trần Quốc Thái – Phó Cục trưởng Cục phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) báo cáo tại Hội nghị

Cục Phó Cục phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) cho biết đô thị hiện nay đang đối diện với thách thức về phát triển các hướng không tập trung rõ nét. Ngoài ra còn đối mặt với tình trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, rác thải... Do đó mục tiêu của kế hoạch là tạo lập và phát triển đô thị tăng trưởng xanh nhằm thúc đẩy chuyển dịch mô hình tăng trưởng kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh; nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phát triển kinh tế khu vực đô thị nhanh, hiệu quả, bền vững; góp phần tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nâng cao năng lực chống chịu ứng phó biến đổi khí hậu của hệ thống các đô thị, đóng góp cho cam kết quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính.

Theo báo cáo cuối năm 2017, Việt Nam có 813 đô thị, trong đó có 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, 19 đô thị loại 1, 23 đô thị loại 2... Tỷ lệ đô thị hóa trên toàn quốc khoảng 37,5%, trong đó 2 đô thị đặc biệt có dân số đô thị chiếm xấp xỉ 30% dân số đô thị trên toàn quốc. Thời gian qua, lãnh đạo các đô thị trên cả nước đã có sự quan tâm nhất định cho phát triển xanh thông qua các văn bản chỉ đạo điều hành và các hành động cụ thể ở các đô thị.

Theo kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh mà Chính phủ phê duyệt thì từ nay đến năm 2020 các đô thị sẽ hoàn thành rà soát, điều chỉnh các định hướng, chiến lược và quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia, quy



Toàn cảnh Hội nghị

hoạch xây dựng vùng tỉnh, vùng liên tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị lớn, lồng ghép mục tiêu phát triển đô thị tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng; Lồng ghép các chính sách xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong Luật Quản lý Phát triển đô thị và các văn bản quy phạm pháp luật; ban hành chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, đô thị có khả năng chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu; 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát hoặc ban hành Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng; 100% các Sở Xây dựng, các đô thị trực thuộc tỉnh từ loại II trở lên được đào tạo bồi dưỡng về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng...

Giai đoạn từ năm 2020 đến 2030, Hoàn thành việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu trong điều chỉnh quy hoạch chung đô thị được phê duyệt trước năm 2015 và các quy hoạch chung đô thị được phê duyệt mới; Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế chính sách, quy định quy phạm pháp luật về phát triển đô thị tăng trưởng xanh; Nghiên cứu và triển khai thực hiện phát triển đô thị thông minh...

Các hoạt động thuộc kế hoạch này gồm 3 chủ đề với 14 nhiệm vụ hành động ưu tiên như: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu; Lập kế hoạch huy động nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư xây dựng phát triển đô thị tăng trưởng xanh hàng năm và theo giai đoạn; Quản lý phát triển đô thị tăng trưởng xanh.

Toàn cầu GGGI cho biết những thách thức trong phát triển đô thị hiện nay gặp phải là biến đổi khí hậu gây nên tình trạng ngập lụt ở các đô

thị, ùn tắc giao thông và những yêu cầu về quản lý rác thải, nước thải... Do đó Việt Nam cần thiết phải xây dựng cơ sở hạ tầng xanh nhằm xử lý chất thải, tăng cường hệ thống giao thông công cộng tốc độ cao và sử dụng năng lượng tái tạo...

Hiện GGGI đang tích cực phối hợp với Bộ Xây dựng trong lĩnh vực phát triển chính sách đô thị tăng trưởng xanh và tiếp cận tài chính để xây dựng cơ sở hạ tầng như nước thải, rác thải...

Cao Cường

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị giao ban công tác ngành Xây dựng vùng Tây Nguyên và Nam Trung Bộ

Ngày 28/9/2018, tại Lâm Đồng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đã chủ trì Hội nghị Giao ban công tác ngành xây dựng khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Hội nghị là dịp để các địa phương chia sẻ thực tế quản lý ngành xây dựng về công tác quy hoạch và quản lý hoạt động xây dựng, quản lý và đầu tư phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị; triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các Chương trình Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tại hội nghị, đại diện lãnh đạo các Sở Xây dựng đã báo cáo về tình hình công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng ở địa phương, đồng thời cũng nêu những đề xuất kiến nghị với Bộ Xây dựng như: Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị, sớm xây dựng các tiêu chí khung lập quy hoạch vùng huyện để các địa phương thực hiện, đặc biệt là để xây dựng nông thôn mới; quy định rõ thẩm quyền, phân cấp trong việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch...

Cụ thể, liên quan tới quản lý phát triển đô thị, do nguồn vốn ODA ngày càng khó khăn,



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị

trong khi hiện nay vốn đầu tư để phát triển hạ tầng đô thị chủ yếu là dùng nguồn vốn đầu tư công nhưng không thể trông chờ nguồn vốn này, một số địa phương mong muốn Bộ Xây dựng sớm kiến nghị Chính phủ ban hành quy định đối với hình thức đầu tư trong trường hợp đối đất lấy hạ tầng, vì hiện nay đây là hình thức khả quan nhất để phát triển đô thị. Một số địa phương cũng kiến nghị tiêu chí nâng loại đô thị của miền núi nên để mở, tạo điều kiện cho các tỉnh có đô thị hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế. Trong lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật, đối



Toàn cảnh Hội nghị

với vấn đề xử lý chất thải rắn đô thị hiện nay các địa phương hiện đang gặp nhiều khó khăn như vướng cơ chế tài chính, cơ chế tổ chức thu gom xử lý chất thải rắn... Đồng thời kiến nghị Bộ Xây dựng đề xuất với Chính phủ cho phép phân bổ một phần vốn sự nghiệp môi trường cho việc xử lý chất thải rắn; nhanh chóng ban hành thông tư hướng dẫn về định mức giá dịch vụ nghĩa trang; rà soát điều chỉnh một số văn bản để phù hợp với thực tế quản lý: định mức cây xanh đang được cho là không phù hợp với thực tế của địa phương và doanh nghiệp; định mức vận hành nhà máy xử lý nước thải hiện nay chưa cụ thể.

Bên cạnh đó, các địa phương cũng kiến nghị nhiều vấn đề khác như: Rút gọn thủ tục hành chính, cải cách việc cấp phép chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cá nhân và tổ chức; việc giải thể thanh tra xây dựng cấp huyện làm cho các vụ việc vi phạm trật tự xây dựng tăng lên bởi Sở Xây dựng địa phương không đủ nhân lực để giải quyết, nên các địa phương mong muốn Bộ Xây dựng nghiên cứu mô hình thanh tra chuyên ngành có đủ lực lượng để đảm bảo được chức năng quản lý; sớm ban hành quy định đối với định mức và tiêu chuẩn, quy chuẩn cát nhân tạo được sản xuất từ nguồn nguyên liệu là tro, xỉ; quản lý các công trình vốn khác đang bị lỏng lẻo, thiếu kiểm soát, công tác nghiệm thu chất lượng công trình, thiếu chế tài

xử lý gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn...

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện Bộ Xây dựng đã trực tiếp trao đổi, giải đáp một số vấn đề có liên quan.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đã đánh giá cao việc tổ chức hội nghị giao ban và tinh thần làm việc hiệu quả của đại diện Sở Xây dựng các địa phương tại 2 vùng (Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ), các Cục, Vụ, Viện chuyên môn của Bộ Xây dựng, đồng thời khẳng định: Đây là cơ hội tốt để Bộ và các Sở cùng thảo luận chuyên môn, nêu ra được các yếu tố đặc trưng vùng miền, cùng chia sẻ các khó khăn mà thực tiễn quản lý và thực thi các văn bản pháp luật. Về các kiến nghị trong công tác quy hoạch xây dựng, Thứ trưởng cho rằng, Sở Xây dựng các tỉnh thành cần chủ động đánh giá, rà soát và có kiến nghị với tỉnh trong việc bố trí nguồn vốn phù hợp cho công tác quy hoạch để đảm bảo công tác quy hoạch được thực hiện kịp thời, đảm bảo cho việc thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội...

Qua trao đổi ý kiến với đại biểu tham dự hội nghị, phần lớn địa phương đều đang có những quan tâm, băn khoăn khi phát hiện ra sự chồng chéo giữa các luật được ban hành và có hiệu lực trong cùng thời điểm năm 2014 và 2015... và các luật đó đến nay cũng đã đến thời điểm rà soát sau quá trình vận hành thực thi. Để kịp thời sửa đổi các nội dung còn chồng chéo giữa các văn bản luật, Thứ trưởng mong muốn trong quá trình vận hành, thực thi các quy định của pháp luật, Sở Xây dựng các tỉnh thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin với Bộ, đồng thời, sớm tham mưu cho UBND tỉnh để qua đó có báo cáo tới Hội đồng nhân dân tỉnh, nhằm chuẩn bị nội dung cho đoàn đại biểu có đề xuất, kiến nghị tới Quốc hội để có những điều chỉnh kịp thời.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng cho biết,

Hiện nay, Chính phủ nói chung và Bộ Xây dựng nói riêng đang tích cực đẩy mạnh việc hoàn thiện các cơ chế chính sách nhằm giúp các địa phương có công cụ quản lý hiệu quả và tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Song việc làm này sẽ thực sự đem kết quả tốt nếu các Sở, ngành địa phương, cụ thể là Sở Xây dựng các tỉnh/thành - cơ quan tham mưu của các địa

phương về xây dựng cơ bản, làm tốt công tác rà soát, chủ động đề xuất các kiến nghị về nội dung chưa phù hợp trong các văn bản quy phạm pháp luật để Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành và cao hơn nữa là Chính phủ và Quốc hội kịp thời điều chỉnh, đáp ứng cho nhu cầu phát triển./.

Minh Tuấn

Các xu hướng phát triển đô thị của Nga và thế giới

Đô thị hóa đã trở thành một công cụ quan trọng để hiện đại hóa xã hội trong thế kỷ XX. Tuy nhiên, theo các nhà đô thị học - sự thiếu hoàn thiện, tính chuyển tiếp, tính mâu thuẫn luôn là nét đặc trưng cho đô thị hóa, đồng thời cũng đặc trưng cho xã hội trong đó diễn ra quá trình này. Việc nghiên cứu các quá trình đô thị hóa từ góc độ quy hoạch đô thị, nghiên cứu cơ sở vật chất - không gian cũng như vị trí của con người trong không gian đô thị sẽ rất hữu ích trong việc hình thành các chính sách quy hoạch đô thị. Phát triển đô thị luôn đi đôi với tính kế tục, bởi việc cải tạo cấu trúc của mỗi thành phố luôn có vị trí trọng yếu trong tiến trình phát triển lịch sử. Theo V.A. Lavrov, tính kế tục là sự thống nhất giữa các giai đoạn lịch sử và các xu hướng hiện đại. Tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa có những chỉ số định lượng về mức độ kế tục trong sự phát triển đô thị.

Phát triển đô thị tầm nhìn dài hạn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó có cả các yếu tố tự phát. Do đó, khi nghiên cứu các dự án quy hoạch đô thị đối với các thành phố có bề dày lịch sử, rất cần để những “khoảng trống” để làm rõ và hoàn thiện mà không làm biến đổi sâu sắc cấu trúc quy hoạch hiện hữu.

Ngay từ những năm 1990, Nga đã có xu hướng phá vỡ quy hoạch truyền thống của nhiều thành phố, với những hậu quả mà đất nước hiện nay đang phải đối mặt. Vấn đề trầm trọng hơn bởi sự thiếu quan tâm tới quá trình

tiến hóa của các thành phố nói chung, và định hướng của các viện nghiên cứu quốc gia thời kỳ đó chỉ nhằm bảo tồn một số công trình di tích lịch sử cụ thể. Công cuộc tái thiết các thành phố được tiến hành dựa vào các dự án trong các quy hoạch tổng thể thời kỳ Xô viết (những năm 1960 - 1970), trong đó tập trung phá bỏ một phần không gian lịch sử của các thành phố. Chẳng hạn tại Sergiev Posad, việc tái thiết trung tâm lịch sử đã được thực hiện dựa theo các dự án trong giai đoạn 1971-1983. Việc xây dựng tuyến đường cao tốc trung chuyển trên con phố lịch sử chính của thành phố khiến cảnh quan biến dạng, hơn 70% công trình lịch sử trên tuyến phố này đã bị hủy hoại.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các thành phố lớn đang trở thành những siêu đô thị thu hút về mình mọi kiến thức và công nghệ tiên tiến nhất, trở thành trung tâm tăng trưởng kinh tế và đổi mới. Khái niệm “thành phố - văn phòng”, “thành phố - ô tô” được thay thế bằng “thành phố đáng sống”, “thành phố luôn thúc đẩy lối sống lành mạnh”. Ở ngữ cảnh này, khái niệm “thành phố thông minh” xuất hiện không phải ngẫu nhiên. Khái niệm đề cập tới việc ứng dụng các sáng kiến trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống đô thị dựa vào mạng lưới thông tin truyền thông và các công nghệ. Trong kế hoạch triển khai trên thực tế, điều này được thể hiện:

- Trong sự tương tác hiệu quả giữa các cơ quan chính quyền các cấp; hệ thống phản hồi

nhanh các nhu cầu của người dân, nâng cao chất lượng dịch vụ công thông qua ứng dụng chính phủ điện tử;

- Trong ứng dụng các công nghệ giáo dục mới;

- Trong việc áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng mới;

- Trong việc áp dụng các hệ thống giao thông thông minh;

- Trong việc mở rộng khả năng kinh doanh (ví dụ, thông qua các hình thức thương mại điện tử khác nhau)

- Trong việc bảo đảm dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ xã hội chất lượng cao, tự động hóa trong các tòa nhà/ công trình.

Khái niệm “thành phố thông minh” được đề cập trong Chiến lược St. Petersburg 2030. Thành phố đang hướng đến mục tiêu tổng thể là trở thành “thành phố nhân văn, thành phố thông minh, thành phố toàn cầu”; trong đó “toàn cầu” liên quan đến tính cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường thế giới, “thông minh” đề cập đến sự phát triển hạ tầng đô thị, “nhân văn” đặc trưng cho cộng đồng đô thị.

Một xu thế nữa của các thành phố lớn hiện đại là sự chuyển đổi không gian đô thị theo hướng xây dựng không gian văn hóa, hướng tới “các thành phố sáng tạo”. Trong các thành phố có sự kết hợp phát triển du lịch và phát triển “giai cấp sáng tạo” (bao gồm các nhà khoa học, các nhà giáo dục, các kiến trúc sư, các nhà thiết kế, nhạc sĩ, họa sĩ, giới showbis... - tất cả những gì liên quan tới việc cho ra đời những ý tưởng mới, công nghệ mới). Điều này được thể hiện trong việc thiết lập một không gian đô thị được cộng đồng chấp nhận, hồi sinh không gian đô nhằm phát triển hạ tầng không gian sáng tạo. Thực hiện các mục tiêu trên bao gồm cả việc cải tạo các công trình công nghiệp và công trình dân sinh.

Một trong những khía cạnh quan trọng của phát triển đô thị là áp dụng các biện pháp chiến lược để quản lý đô thị. Với sự phát triển nhanh

chóng của các thành phố lớn trên thế giới nói chung và ở Nga nói riêng, việc cải biến chức năng của các thành phố cũng đang phổ biến. Trước đây, khu vực trung tâm thành phố thực hiện cả chức năng dân sinh và chức năng kinh doanh - công cộng, khu công nghiệp thường nằm ở vùng ngoại ô thành phố. Giờ đây, với sự gia tăng dân số các thành phố gấp nhiều lần, trung tâm đang dần thoát khỏi chức năng dân sinh, đồng thời tăng cường chức năng lịch sử hoặc kinh doanh thương mại. Nhìn vào Quy hoạch tổng thể của St. Petersburg, có thể thấy rõ trung tâm vừa là khu vực kinh doanh - công cộng vừa là khu vực dân sinh, tiếp theo là vành đai công nghiệp, tiếp theo lại là khu dân cư, bởi vì thành phố mở rộng hơn, và rất cần khai thác các lãnh thổ mới để xây nhà ở. Tất nhiên, những vành đai này không rõ nét, đặc biệt trong tình hình hiện tại, khi các khu vực giao cắt chông chéo. Vành đai công nghiệp cũ cũng dần dần mất đi chức năng của mình, và trở thành khu vực kinh doanh - công cộng.

Sự tiến hóa của các thành phố đặt ra vấn đề cần thay đổi chức năng cho các loại công trình khác nhau trong phạm vi thành phố. Việc tái cơ cấu một thành phố lớn cần bao trùm toàn bộ các tiểu hệ thống của nền kinh tế đô thị - sản xuất, giao thông, tiện ích công nhà ở... và liên quan tới các loại công trình khác nhau: Công trình nhà (căn hộ cao cấp, nhà ở đại trà, nhà ở dạng tiết kiệm) và công trình không phải nhà ở (công trình công cộng, hành chính, công nghiệp, các công trình thực hiện chức năng xã hội, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, kinh tế...). Tại các nước có nền công nghiệp phát triển, các nhà máy công nghiệp chiếm không gian khá lớn, và thông thường là những khu vực có sức hút đầu tư rất lớn. Theo nhiều chuyên gia, một trong những giải pháp cấp thiết nhất để giải quyết vấn đề thay đổi công năng là cải tạo - loft (các tòa nhà công nghiệp, tòa nhà hành chính cũ được chuyển đổi thành bất động sản nhà ở hoặc thương mại).

Cải tạo các tòa nhà là một phần trong chính sách quy hoạch đô thị của mỗi thành phố. Việc cải tạo sẽ tạo điều kiện sử dụng một cách hợp lý không gian trong trung tâm thành phố để thực hiện các chức năng khác nhau. Có thể lấy ví dụ về cải tạo các khu nhà ở và tòa nhà công nghiệp tại Moskva và Kaliningrad.

Các tòa nhà lịch sử của Moskva thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà đầu tư, điều này có thể mâu thuẫn gay gắt với nhiệm vụ bảo tồn di sản. Dự án cải tạo Nhà Privalov (số 9 phố Sadovnicheskaya) là một minh chứng. Công trình hầu như đã bị hủy hoại, cho dù nhà đầu tư cam kết theo thiết kế sẽ bảo tồn diện mạo kiến trúc của cả khu vực, khôi phục lại mặt tiền, phục dựng lại các yếu tố đã mất. Tổ chức xã hội “Giám sát kiến trúc” đã bày tỏ không đồng tình với việc phá hủy này, và gửi thư khiếu nại tới Bộ Văn hóa, các cơ quan kiểm sát, công an.

Các tòa nhà lịch sử ở trung tâm luôn thu hút các nhà đầu tư có đủ năng lực tài chính. Yếu tố hấp dẫn chính là sự chênh lệch giữa giá mua một công trình ở tình trạng nguy cấp và giá trị của nó sau khi cải tạo hoặc tái trang bị. Diện mạo bề ngoài của tòa nhà được tái lập hoặc bảo tồn, còn bên trong, tòa nhà trở thành một chủ thể mới, hiện đại, với các chức năng hiện đại.

Nếu nói về các tòa nhà lịch sử của Moskva, nhu cầu rất lớn thuộc về các căn biệt thự bên trong tuyến vòng cung metro và ở các khu vực phía tây và tây nam Thủ đô. Mỗi giao dịch được chuẩn bị rất kỹ, có ảnh hưởng rõ rệt đến hoạt động của thị trường bất động sản. Sự gia tăng giá trị trung bình của các tòa nhà lịch sử đã cải tạo đạt tới 30,9% . Trong năm 2013, giao dịch bán căn hộ penthouse trong Nhà Gelrich - theo các số liệu của IntermarkSavills - đã trở thành một trong những giao dịch đắt giá nhất trên thị trường bất động sản cao cấp (14 - 15 triệu USD).

Ngay cả khi công trình là một di sản kiến trúc (tức là đặt gánh nặng nghĩa vụ nhất định lên vai nhà đầu tư), thì các khoản đầu tư vẫn mang lại lợi nhuận lớn, tuy nhiên thời gian hoàn

vốn dài hơn (5 - 7 năm). Trong khoảng thời gian như vậy, giá trị mỗi mét vuông có thể tăng từ 20 - 50%.

Một số ví dụ cải tạo thành công các công trình lịch sử tại Moskva :

- St. Nickolas (ngôi nhà của bá tước Sheremetyev gần điện Kremlin) . Tòa nhà được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX. Việc tái thiết đòi hỏi phục dựng mặt tiền, khôi phục các yếu tố đã mất, phục chế các cầu thang, tường chịu lực, ô cửa sổ, các cột. Với khoản đầu tư 40 triệu USD, sau khi tái thiết đây sẽ là tòa chung cư với các căn hộ vô cùng sang trọng.

- Nhà hát trên phố Povarskaya (đầu thế kỷ XX). Tới cuối năm 2017, nơi đây đã được cải biến thành một tổ hợp dân sinh cao cấp.

- Trang trại Prohorov-Khludov. Nhiệm vụ chính là trả lại diện mạo lịch sử cho dinh thự, và sau khi cải tạo, đây sẽ trở thành trụ sở Ngân hàng Năng lượng Nga.

Chương trình “Một rúp một mét vuông” của Thủ đô đã được khởi động nhằm khuyến khích các nhà đầu tư tham gia cải tạo các công trình lịch sử. Giá cho thuê ưu đãi - một rúp một mét vuông - dành cho nhà đầu tư khi ký kết hợp đồng thuê trong 49 năm. Mức giá này có hiệu lực ngay sau khi nhà đầu tư đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bảo đảm khôi phục lại di tích bằng vốn cá nhân.

Cuối năm 2015, Sở Văn hóa Moskva đã công nhận kiến trúc công nghiệp của Thủ đô là một loại di sản văn hóa riêng biệt. Tại Moskva, xu hướng biến các khu công nghiệp cũ thành các trung tâm thương mại, hoặc chuyển đổi thành các không gian công cộng đã hình thành từ lâu. Lãnh thổ các khu công nghiệp cũ chiếm tới gần 10% diện tích khu vực trung tâm. Kiến trúc công nghiệp với những đặc điểm riêng - các tháp nước, hệ thống thang... rất khó để thích ứng với các chức năng kinh doanh - công cộng hiện đại.

Một loại hình cải tạo phổ biến là trung tâm thương mại, có thể lấy ví dụ qua việc cải tạo

xưởng sản xuất cũ Danilovskaya, nhà máy Stanislavsky, nhà máy bánh kẹo cũ Bolshevik. Sẽ có Bảo tàng Ấn tượng Nga tại khu vực nhà máy bánh kẹo Bolshevik. Tại đây, các khối nhà cũ được phục dựng, các mặt tiền được làm sạch các vết sơn và hoen ố, giữa các tòa nhà, những lối đi bộ được lắp kính rất đẹp và tiện nghi. Xưởng sản xuất Danilovskaya nằm trong khuôn viên một nhà máy dệt cũ. Trong quá trình tái thiết, các mặt tiền đã được vệ sinh sạch sẽ khỏi dấu vết sơn cũ vốn đặc trưng cho kiến trúc trước cách mạng; các thang cứu hỏa bằng kim loại được bảo tồn; các chi tiết máy móc được tận dụng để tạo phong cách trang trí độc đáo. Nhà máy Stanislavsky nằm trong tòa nhà của nhà máy cáp điện Moskva cũ. Ban đầu, các tòa nhà đang trong tình trạng khẩn cấp. Trong quá trình phục dựng, các khối gạch đỏ được vệ sinh sạch sẽ, một số chi tiết trên mặt tiền được bảo tồn, phía bên trong cải tạo thành các văn phòng và một rạp hát hiện đại.

Ví dụ tích cực trong việc cải biến các tòa nhà lịch sử sang mục đích sử dụng hiện đại còn có tại nhiều thành phố khác của Nga. Tại Kaliningrad, một trong các dự án quan trọng là tái thiết khu vực doanh trại quân đội Kronprinz (di sản kiến trúc từ thế kỷ XIX). Khu vực này đã được chuyển quyền quản lý cho Trung tâm Nghệ thuật Đương đại quốc gia. Sau khi cải tạo, nơi đây sẽ có một tổ hợp thông tin - khoa học và bảo tàng-triển lãm. Một dự án khác - hiện đại hóa tòa nhà rạp chiếu phim Zarya (được xây dựng vào năm 1938 - 1940). Sau tái thiết, nơi đây cũng sẽ trở thành khu phức hợp với 4 phòng chiếu phim, một hội trường lớn dành cho các hội nghị, các cuộc gặp mặt. Việc tổ chức một trung tâm phát triển trẻ em, một rạp hát mini và một trường ngoại ngữ tại đây cũng đã được lên kế hoạch chi tiết.

Tiếp theo, tác giả chuyển sang các xu thế phát triển đô thị của quốc tế để cùng độc giả đưa ra những nhận định xác đáng - bằng cách nào có thể gắn kết sự phát triển hiệu quả của

mỗi thành phố với việc thu hút các giải pháp và công nghệ mới, cũng như vai trò của các cơ quan chính quyền trong vấn đề này.

Công nghệ smart city đã được áp dụng tại Mỹ đã từ những năm 1990. Cũng thời gian này, Vương quốc Anh cũng ghi nhận sự xuất hiện của nhiều công viên doanh nhân, làng thông tin. Tại Manchester, công nghệ thông tin được ứng dụng trong tái cơ cấu đô thị, cho thấy mối liên kết ngày càng khăng khít giữa các chiến lược thông tin và các chiến lược phát triển đô thị. Không gian đô thị càng trở nên phức hợp và mở rộng bao nhiêu, các chiến lược phát triển đô thị sẽ được kết nối bởi các mạng lưới công nghệ phức tạp bấy nhiêu.

Cần lưu ý kinh nghiệm của Mỹ về phát triển không gian đô thị, đặc biệt là việc tích cực cải tạo các công trình lịch sử. Ảnh hưởng từ việc bảo tồn di sản lịch sử tới nền kinh tế của đất nước được ghi nhận trong rất nhiều bài nghiên cứu, ấn phẩm đương thời. Việc đầu tư tái thiết các tòa nhà lịch sử đã tạo nhiều việc làm mới và tăng thu nhập của người dân địa phương, ảnh hưởng tích cực đến du lịch.

Kinh nghiệm phát triển đô thị của Singapore cho thấy: Ứng dụng một giải pháp tập trung, dài hạn và mang tính phòng ngừa đã giúp quản lý phát triển đô thị thành công, giải quyết nhiều vấn đề trong phát triển đô thị (thiếu bãi đỗ xe, các tòa nhà cũ nát nhiều nguy cơ, điều kiện sống quá nghèo nàn, phương thức tổ chức giao thông kém). Điều này được thực hiện dựa theo 5 nguyên tắc sau:

- Triển vọng quy hoạch lâu dài;
- Thu hút doanh nhân vào quá trình cải tạo các công trình;
- Các cơ quan nhà nước đóng vai trò điểm tựa đối với tầm nhìn chung, quan tâm tới lợi ích của tất cả các tổ chức cá nhân;
- Sự phản hồi trong hệ thống quy hoạch;
- Tính linh hoạt, ứng biến đối với sự biến đổi các điều kiện kinh tế và xã hội.

Sáng kiến “quy hoạch đô thị lành mạnh”

được hình thành, trong đó các thành phố được yêu cầu phối hợp tổ chức quy hoạch, giao thông, y tế nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và đưa các mục tiêu cải thiện sức khỏe vào các kế hoạch phát triển đô thị.

CHLB Đức hiện đang áp dụng đồng bộ các biện pháp quy hoạch đô thị để cải tạo các khu dân cư dựa vào khung pháp lý của Liên bang và theo các giai đoạn:

Giai đoạn 1 - Nghiên cứu chuẩn bị, Chính quyền phê chuẩn địa giới các khu vực được cải tạo với điều kiện đặc biệt;

Giai đoạn 2 - Nghiên cứu kế hoạch về mặt xã hội. Chính quyền thông tin tới người dân về các công việc - đây là cách thức để có được sự tư vấn và trợ giúp cần thiết, xác định lộ trình tiến hành cải tạo. Mục đích của kế hoạch này là giảm thiểu các hệ quả tiêu cực từ việc cải tạo tới người dân, thông qua các cuộc thảo luận mở về kế hoạch cải tạo với chủ sở hữu đất và người thuê đất, cư dân trong khu vực và những người sử dụng đất;

Giai đoạn 3 - Thực hiện các biện pháp cải tạo (cơ cấu lại quyền sở hữu đất trên lô đất đó; chuyển quyền cho thuê hoặc bán cho chủ sở hữu mới quan tâm đến việc cải tạo; di dời dân và các công sở bằng nguồn vốn tập trung của thành phố; phá dỡ hoặc phục dựng các tòa nhà. Chính quyền cần hỗ trợ các chủ công trình, thực hiện các chức năng trung gian giữa bên đặt hàng và nhà đầu tư, phối hợp hoạt động của các bên và kiểm soát quá trình cải tạo một cách tổng thể. Ngoài ra, theo luật pháp của Đức, khu vực được cải tạo sẽ được bảo đảm tài chính kể từ thời điểm quyết định cải tạo được thông qua.

Trong những năm 1990, chương trình tái thiết các tòa nhà panel tấm lớn đã được triển khai thực hiện. Chính phủ đã dành khoản tín dụng tới 70 tỷ DM với lãi suất tương đối thấp (4,6%/ năm) cho chương trình, kết quả hơn 90 nghìn tòa nhà panel tấm lớn đã được tái thiết thời kỳ này.

Liên quan đến việc cải tạo các di tích lịch sử,

CHLB Đức có những quy định rất rõ ràng. Luật bảo vệ di sản quy định nghiêm, ngay cả việc sửa đổi từng chi tiết riêng biệt của mặt tiền công trình di sản. Nhà đầu tư có nghĩa vụ bảo toàn không chỉ diện mạo bên ngoài và bên trong của công trình, mà còn cần tuân thủ đúng mục đích sử dụng để ra. Thông thường, có thể có sự thỏa hiệp giữa chính quyền và nhà đầu tư - thay vì bảo tồn toàn bộ mặt tiền công trình, chủ đầu tư có thể hiện đại hóa toàn bộ hệ thống sưởi, cấp - thoát nước, cũng như thay đổi mục đích chức năng của công trình. Đồng thời, nhà đầu tư được bảo đảm các ưu đãi thuế của nhà nước. Chẳng hạn, việc cải tạo Nhà cho người già và người khuyết tật tại Frankfurt kéo dài 3 năm và ngốn khoảng 22 triệu Euro của nhà đầu tư. Các căn hộ được chào bán trên thị trường với mức giá cao (4600 euro mỗi mét vuông) và nhanh chóng được bán hết.

Ví dụ cải tạo (loft) các công trình di tích lịch sử trên thế giới cũng rất phong phú.

London - thành phố cổ kính được thành lập từ năm 43 có một bề dày lịch sử với nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Nơi đây còn lại rất nhiều di tích và công trình được xây dựng từ hơn một thế kỷ trước.

Tổ hợp dân sinh Cornwall Terrace (nằm trong Công viên Regent - một trong những khu vực danh giá nhất của London) bao gồm 8 tòa nhà liền kề được cải tạo toàn bộ. Đây là 8 dinh thự vô cùng độc đáo, giống một quần thể di tích kiến trúc. Trở lại năm 1811, tại đây có 19 dinh thự được thiết kế. Trong suốt 150 năm, những căn nhà này từng là nơi sinh sống của tầng lớp quý tộc, thượng lưu. Năm 1977, tổ hợp trở thành trụ sở của công ty British Land. Năm 2008, công ty Oakmayne Bespoke (được hỗ trợ bởi Crown Estate và Quỹ Di sản nước Anh) đã mua lại cả tổ hợp và tái thiết toàn bộ các tòa nhà, từ 19 tòa dinh thự thiết kế thành tám, do đó tăng gần gấp đôi diện tích mỗi tòa nhà trong đó. Để tái thiết, các bức tường đã được dỡ bỏ, các không gian mở được thiết lập, sàn và trần cách

âm, hệ thống điều khiển điện tử được lắp đặt.

Quần thể lâu đài Castel Brando (Venice, Ý) theo ý tưởng của doanh nhân mua lại sẽ được cải tạo thành tổ hợp khách sạn, căn hộ kèm cơ sở hạ tầng cao cấp. Quá trình cải tạo kéo dài 7 năm, tiêu tốn 43 triệu euro. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng đã khiến mọi kế hoạch bán hàng ngưng lại, và cả tổ hợp hiện được bán chỉ với giá 39,8 triệu euro. Nhìn chung, Venice là một địa điểm rất phức tạp để tiến hành các dự án tái thiết, cải tạo. Điều này chủ yếu do một số rào cản hành chính (quá trình chấp thuận của các cơ quan chính quyền rất lâu), và các điều kiện bất bình thường để cải tạo (vật liệu xây dựng cần được chuyên chở bằng thuyền vào những khoảng thời gian được quy định rất nghiêm ngặt).

Trung tâm thương mại - văn hóa Stary Browar tại Poznan (Ba Lan) vốn trước đây là nhà máy bia Brewery Huggero được xây từ năm 1890. Năm 1980, nhà máy bia chuyển thành nhà máy nước giải khát, và phá sản vào năm 1997. Khi đó, ý tưởng cải tạo tòa nhà theo các chức năng mới, song bảo tồn phong cách kiến trúc nguyên thủy đã ra đời. Vào năm 2003, trung tâm mới được khánh thành, với gần 200 cửa hiệu và nhà hàng hiện đại.

Tổ hợp thương mại - giải trí Complex Arenas de Barcelona (Tây Ban Nha) trước kia là một đấu trường lớn luôn đầy ắp khán giả vào các mùa đấu bò tốt. Sau khi có lệnh cấm đấu bò từ năm 2012, tại khu vực đấu trường cũ đã xuất hiện trung tâm thương mại. Điều lý thú là mặt tiền của công trình hầu như được bảo tồn nguyên trạng.

Vai trò quan trọng trong quá trình cải tạo các công trình lịch sử do các cơ quan chức năng của thành phố đảm nhiệm. Nhiệm vụ bảo tồn di tích lịch sử nhìn chung được giao phó cho các cơ quan chính quyền. Tuy nhiên, ngay cả trong việc thực thi chính sách bảo tồn, những lỗ hổng của luật pháp vẫn có thể là nguyên nhân phát sinh các sai lầm trong quy hoạch đô thị. Phong trào bảo vệ các đô thị lịch sử đặt nhiệm vụ cứu

các di tích, di sản, và tuyên truyền quảng bá các ý tưởng bảo vệ di tích, thu hút các công dân tích cực tham gia quá trình này.

Ngay từ năm 1975, một nhóm các nhà báo, nhà sử học, kiến trúc sư và nhà thiết kế đã thành lập tổ chức SAVE Britans Heritage với mục đích tiến hành các chiến dịch bảo vệ các tòa nhà lịch sử đang nguy cấp. Thông qua các thông cáo báo chí, rải tờ rơi, lập báo cáo, viết sách và triển lãm, SAVE tích cực bảo vệ các khu công xưởng, các ô phố, bệnh viện hoang phế, đặc biệt chú trọng vào việc chuyển đổi mục đích sử dụng các công trình lịch sử. SAVE đã thắng một vụ kiện chống lại các quan chức muốn phá bỏ khu chợ hoa ở quận Covent Garden lịch sử (London), bảo vệ thành công khu phố Jewelers ở Birmingham mà các nhà chức trách muốn phá bỏ, và giờ đây đã trở thành một khu dân cư đông đúc. Để cứu các công trình, các quỹ phúc lợi riêng đã được thành lập, nhiều sửa đổi trong luật bảo vệ di sản được áp dụng. Trên trang web của SAVE luôn có một mục dành để đăng ký các công trình đang trong tình trạng báo động.

Năm 1995, để tiến hành các chiến dịch bảo vệ di sản kiến trúc châu Âu, các chuyên gia từ nhiều quốc gia trên thế giới đã thành lập hiệp hội quốc tế SAVE Europes Heritage. Họ tham gia giám sát các công trình lịch sử, đẩy mạnh việc sửa đổi các điều luật bảo vệ di sản, tham vấn cùng các nhà đầu tư các khả năng biện chứng (về mặt kinh tế) sử dụng các công trình lịch sử vào mục đích hiện đại, đồng thời bảo tồn di tích. Cứ mỗi hai năm, tổ chức lại lập các báo cáo về thực trạng công việc trong lĩnh vực bảo vệ di sản trong một thành phố có di sản, di tích lịch sử.

Tại Nga, năm 2007, Hội bảo tồn di sản kiến trúc Moskva đã đệ trình lên Hội đồng Di sản thế giới bản báo cáo chi tiết "Di sản kiến trúc Moskva", trong đó phản ánh rõ nét quá trình tàn phá các tòa nhà lịch sử tại Thủ đô Liên bang Nga. Ngoài ra, tại Nga còn một số tổ chức khác

như Trung tâm di sản thế giới Edinburg, “thành phố sống” của St. Petersburg... Điểm khác biệt của các tổ chức của Nga là không nhận được tài trợ để tái thiết các công trình, do đó, hoạt động chỉ giới hạn ở mức thông tin tuyên truyền.

Như vậy, sự phát triển xu hướng bảo tồn di sản lịch sử cần gắn bó chặt chẽ với khả năng thương mại hóa công trình di sản đó. Trong vấn đề này, sự tham gia tích cực của các cơ quan chính quyền là rất cần thiết nhằm tạo thuận lợi

cho các quá trình tái thiết và bảo tồn, cũng như giám sát việc thực hiện các quy trình đó. Người dân và các tổ chức xã hội cũng đóng một vai trò tích cực trong vấn đề bảo vệ di sản lịch sử./.

A.Kovchaskaya

Nguồn: Trang tin www.studwood.ru

tháng 9/2017

ND: Lê Minh

Trung Quốc: Chính quyền các địa phương thực hiện phân loại rác thải như thế nào?

Từ năm 2000, Trung Quốc đã triển khai khởi động thí điểm chương trình “Phân loại rác thải đô thị” tại một số đô thị như Bắc Kinh, Thượng Hải, Nam Kinh, Hàng Châu, Quế Lâm, Quảng Châu, Thâm Quyển, Hạ Môn... Cho tới nay, chương trình này vẫn đang được triển khai. Tháng 12 năm 2016, tại Hội nghị lần thứ 14 nhóm lãnh đạo tài chính trung ương, Tổng Bí thư Tập Cận Bình đã nhấn mạnh việc phổ biến triển khai chế độ phân loại rác thải, liên quan tới việc cải thiện môi trường sống của hơn 1,3 tỷ dân số, liên quan đến việc liệu có thể thực hiện giảm lượng rác thải, tài nguyên hóa rác thải và xử lý vô hại hóa rác thải hay không. Cuối tháng 3 năm 2017, Ủy ban Phát triển và Cải cách nhà nước Trung Quốc, Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc đã đưa ra “Phương án thực thi chế độ phân loại rác thải sinh hoạt”. Tính đến ngày 10/4/2018, toàn Trung Quốc đã có 24 tỉnh (thành phố trực thuộc, khu tự trị) đưa ra ý kiến, phương án, quy định pháp luật địa phương hoặc các văn kiện liên quan đến thực thi phân loại rác thải.

Phân loại rác thải là một công trình hệ thống to lớn. Cần bao nhiêu năm mới có thể thực hiện được? Trong quá trình thực hiện phân loại rác thải, phải gặp những khó khăn gì, giải quyết những khó khăn đó như thế nào? Trong “Phương án thực thi chế độ phân loại rác thải

sinh hoạt” đã chỉ rõ, đến cuối năm 2020, cơ bản xây dựng được các quy định pháp luật và hệ thống tiêu chuẩn có liên quan tới phân loại rác thải, hình thành mô hình phân loại rác thải sinh hoạt có thể sao chép, có thể mở rộng, tại các đô thị thực thi phân loại bắt buộc rác thải, tỷ lệ tận dụng tái chế rác thải sinh hoạt đạt tới trên 35%. “Phương án thực thi chế độ phân loại rác thải sinh hoạt” còn nhấn mạnh, các đô thị thực thi phân loại bắt buộc rác thải sinh hoạt cần kết hợp với tình hình thực tế tại địa phương, trước khi kết thúc năm 2017 phải đưa ra biện pháp, chi tiết hóa yêu cầu trong các phương diện như loại hình phân loại, tập kết, vận chuyển, xử lý ... Có thể thấy, lộ trình và thời gian biểu là hết sức rõ ràng, điều này cũng có nghĩa rằng nhiệm vụ đặt ra cho các chính quyền địa phương là hết sức cấp bách. Hiện tại, chính quyền các địa phương đang tích cực thúc đẩy phân loại rác thải, hy vọng trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm trong khu vực và các nước phát triển, có thể xây dựng ý tưởng và phương pháp làm việc phù hợp với tình hình của đất nước Trung Quốc.

1. Chính quyền địa phương cần trở thành người tiên phong trong công tác phân loại rác thải

Hiện tại, trên thế giới đều cho rằng phân loại rác thải là một trong những phương pháp hiệu quả nhất để phá giải cục diện khó khăn “rác

thải bừa bãi đô thị” tại các đô thị và nông thôn, phân loại rác thải cũng được cho rằng là sự thể hiện tố chất của người dân và là tiêu chí và thước đo về tính văn minh hiện đại. Chính quyền địa phương cần có sự hiểu biết rõ ràng và sâu sắc về ý nghĩa và tác dụng của việc phân loại rác thải, như vậy mới có thể thống nhất trong nhận thức và hành động, hình thành động lực vững chắc. Ý thức của quần chúng đối với phân loại rác thải có thành thực đi chăng nữa cũng không thể thay thế cho một chính quyền thiếu ý thức về phân loại rác thải. Ví dụ, rác thải nhà bếp có hàm lượng nước cao, dễ phân giải, tuy nhiên lượng nước rỉ từ rác thải tại các bãi chôn lấp tăng, khó khăn trong việc kiểm soát các khí thể có mùi khó chịu, đồng thời cũng làm giảm giá trị đốt cháy tại các nhà máy đốt rác thải. Thực tế cho thấy, lượng rác thải nhà bếp chiếm tới 65% tổng lượng rác thải, cho nên việc xử lý rác thải nhà bếp nên đóng vai trò là công tác trọng điểm trong phân loại rác thải. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng cần nắm rõ về tình hình thu gom, vận chuyển, ngành công nghiệp tái chế, kỹ thuật và tiềm lực xử lý... của khu vực bản địa, như vậy mới có thể quy hoạch hợp lý kế hoạch chi tiết về thu gom phân loại, vận chuyển phân loại và xử lý phân loại rác thải.

2. Chính quyền địa phương cần trở thành người chỉ đạo trong công tác phân loại rác thải

2.1. Phân loại từ đầu nguồn rác thải

- Xây dựng tiêu chuẩn phân loại đơn giản

Trước hết, cần thiết lập tiêu chuẩn phân loại rác thải của khu vực bản địa, tiêu chuẩn này phải đơn giản, dễ tiếp nhận đối với đông đảo người dân và phải đồng bộ với các thiết bị xử lý sau cùng chứ không phải sao chép mô hình của các nước phát triển trên thế giới. Ví dụ, tại một số con phố đô thị, các thùng đựng rác được phân thành “có thể tái chế” và “không thể tái chế”, các từ chuyên ngành như vậy sẽ khiến những người dân bình thường cảm thấy khó

hiểu. Tuy nhiên tại một số nơi, trên các thùng đựng rác sẽ là các loại ký hiệu biểu thị cho các loại vật chất khác nhau, cách làm này chỉ cần nhìn qua là đã hiểu. Tại Mỹ, các ký hiệu không những được thể hiện rõ ràng mà các miệng thùng rác còn có các hình dạng cố định. Ví dụ, để thu gom các loại chai, miệng thùng chứa sẽ có hình tròn chỉ vút vừa các loại chai lọ đựng đồ uống, bên ngoài cũng được ký hiệu hình vẽ của các loại chai lọ, thùng chứa các loại giấy sẽ có miệng thùng dài và hẹp, chỉ có thể vút các loại giấy. Cách làm này vừa dễ hiểu lại thao tác dễ dàng, tránh việc vút rác lẫn lộn.

- Xây dựng cơ chế thưởng phạt về phân loại rác thải

Cơ chế thưởng phạt được xây dựng nhằm đôn đốc người dân hình thành thói quen phân loại rác thải. Một số nơi như Nhật Bản, Mỹ... đã đưa thu gom phân loại rác thải vào hành vi bắt buộc trong pháp luật, người vi phạm sẽ bị phạt tiền hoặc phải chịu trách nhiệm pháp luật tương ứng.

- Thực thi cơ chế thu phí xử lý rác thải

Trong quá trình triển khai phân loại rác thải, cần xác định rõ người dân và các đơn vị có trách nhiệm trả phí và phân loại đối với rác sản sinh, “xả bao nhiêu rác thì trả bấy nhiêu tiền”, “không phân loại thì sẽ trả phí nhiều hơn” là biện pháp hiệu quả để khích lệ đông đảo người dân phân loại rác thải. Ví dụ, Nhật Bản thông qua số lượng túi rác thải để thu phí xử lý rác thải, rác thải càng vút ra nhiều thì túi đựng rác phải mua cũng càng nhiều, túi đựng rác không có tiêu chuẩn sử dụng thì không thể vút rác.

- Lựa chọn tiểu khu thí điểm thích hợp

Trước khi một chính sách mới chính thức ra đời, thông thường sẽ lựa chọn nơi thí điểm để tiến hành nghiên cứu. Làm thế nào để lựa chọn tiểu khu thích hợp để tiến hành thí điểm phân loại rác thải vẫn là một vấn đề cần bàn bạc. Trong cộng đồng cư dân quen thuộc, tình cảm giữa mọi người rất thân thiết, Ủy ban cư dân cộng đồng sẽ có sức kêu gọi và uy tín tốt, dễ dàng triển khai việc phân loại rác thải. Ví dụ, có

tiểu khu sẽ chọn ra nhóm công tác đại diện, phụ trách động viên người dân, tổng kết ý kiến người dân, hóa giải mâu thuẫn..., do đó sẽ thuận lợi trong việc thực thi công tác.

- Quy phạm “đội quân nhặt rác” trở thành những người phân loại rác thải chuyên nghiệp

Có chuyên gia cho rằng, bản thân việc phân loại rác thải ở Trung Quốc đã làm rất tốt rồi, đó là do việc phân loại ngay từ ban đầu của những người nhặt rác, thời gian lưu giữ các thùng rác thải như giấy, kim loại, nhựa... không hề lâu. Tuy nhiên, “đội quân nhặt rác” thì nhiều nhưng phân tán, các đội có tổ chức và quy mô thì ít, khi gặp phải các nhân tố như giá cả nguyên vật liệu giao động hay xử lý môi trường đô thị... sẽ đối mặt với nguy cơ sinh tồn. Cùng với sự nâng cao trong mức sống chung của Trung Quốc, những người nhặt rác kiểu này ngày càng ít, thay vào đó là trí tuệ nhân tạo. Tại thành phố Thành Đô, thông qua App điện thoại và mạng internet, rác được thu gom tại cửa và tập trung bán cho các công xưởng, điều này không chỉ được vận hành bình thường mà còn có thể tạo ra lợi nhuận.

2.2. Vận chuyển phân loại rác thải

- Cơ sở thu gom phân loại rác thải trong tiểu khu

Việc đầu tư nguồn vốn cho cơ sở thu gom phân loại rác thải là không thể thiếu. Chính quyền địa phương cần căn cứ tiêu chuẩn phân loại rác thải để bố trí thích hợp và đa dạng các loại thùng đựng rác tại các tiểu khu và con phố.

- Cơ sở vận chuyển phân loại rác thải đồng bộ

Đã từng có người dân phản ánh, họ đã vất vả phân loại rác tại nhà, tuy nhiên khi vận chuyển lại bị lẫn lộn lung tung. Điều này không chỉ phá vỡ thành quả phân loại rác thải mà còn ảnh hưởng lớn tới tính tích cực của người dân trong phân loại rác thải. Tại một số nước thực thi khá tốt việc phân loại rác thải, lịch thu gom vận chuyển rác thải được định rõ, trên đó sẽ quy định ngày thu gom đối với các loại rác thải khác nhau. Việc vận chuyển hỗn độn các loại

rác thải đã phản ánh khâu quản lý vận chuyển rác thải tại Trung Quốc làm vẫn chưa tốt, các cơ quan có trách nhiệm vẫn chưa được xác định rõ. Ngoài việc phân loại khi tập kết còn phải phân loại khi vận chuyển, như vậy mới có thể đạt được mục đích cuối cùng là xử lý phân loại.

2.3. Xử lý phân loại rác thải

- Căn cứ đặc điểm rác thải để bố trí hợp lý kỹ thuật xử lý

Các loại rác thải khác nhau sẽ có đặc điểm ô nhiễm và kỹ thuật xử lý riêng. Đặc điểm vật lý, hóa học của bản thân rác thải lại chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như khu vực, nguồn gốc, công nghệ, điều kiện kinh tế, thói quen...

- Đầu tư phát triển ngành công nghiệp thu hồi tái tận dụng rác thải

Động lực căn bản nhất và quan trọng nhất trong phân loại rác thải đến từ sự phát triển và mức độ hoàn thiện trong hệ thống ngành công nghiệp tái tận dụng, tái chế, nó sẽ sản sinh sức lôi kéo do việc tận dụng phía sau truyền cho việc phân loại phía trước. Những doanh nghiệp tái chế tài nguyên có trình độ thấp, trình độ quy mô hóa nhỏ, một số doanh nghiệp tận dụng tài nguyên kiểu mới còn kém về khả năng sinh lời, thị trường phát triển thiếu hoàn thiện. Chính quyền nên đưa ra sự hỗ trợ về mặt chính sách cũng như sự hỗ trợ về kinh tế nhất định đối với việc tái chế rác thải nhằm nâng cao trình độ kiểm soát ô nhiễm, trình độ kỹ thuật và chất lượng sản phẩm từ việc tái chế, tái tận dụng rác thải.

Tại Mỹ, công tác tái chế rác thải nhà bếp được làm khá tốt, có một công ty tư nhân chuyên tái chế rác thải nhà bếp. Ví dụ, năm 1996, thành phố San Francisco, Mỹ đã triển khai “Dự án Tái chế phế liệu thực phẩm”, tức là tái chế và xử lý các phế liệu thừa từ nhà bếp như thức ăn, rau củ, thực phẩm thừa của nhà hàng... để chế tạo phân bón hữu cơ. Công ty rác thải sẽ thu gom phế liệu từ các nhà hàng và các hộ cư dân, sau đó gia công thành phân bón hữu cơ để bán cho các nông trường. Dự án này giúp ba bên là nhà hàng, công ty rác thải và các

chủ nông trường đều được lợi, hình thành “vòng tuần hoàn” cùng có lợi của các bên.

3. Chính quyền địa phương cần trở thành người thử nghiệm đầu tiên về phân loại rác thải

3.1. Cán bộ cơ quan cần gương mẫu

Muốn tăng cường ý thức phân loại rác thải của đông đảo người dân, trước hết cán bộ các cơ quan cần phải gương mẫu. Gần đây, tỉnh Chiết Giang đã đi đầu triển khai thực hiện việc phân loại rác thải sinh hoạt bắt buộc tại hơn 3.100 văn phòng của 57 đơn vị cơ quan trực thuộc tỉnh, thông qua phân phối các thùng phân loại rác thải, quy phạm xây dựng ý thức phân loại rác thải, giúp các cán bộ cơ quan tự giác, chủ động, làm gương.

3.2. Đảng chỉ đạo hướng dẫn, cư dân tự xử lý

Tại Thượng Hải, tổ chức đảng tại khu dân cư phố Trình Gia Kiều, khu Trường Ninh đã phát huy vai trò lãnh đạo hướng dẫn của đảng thông qua việc triển khai các cuộc họp trong đảng viên, các tổ trưởng tòa nhà và các đoàn đội văn hóa để triển khai phương án thí điểm phân loại

rác thải cố định thời gian và địa điểm. Chi bộ đảng của khu cư dân còn thành lập phòng công tác đảng viên tình nguyện, phối hợp thúc đẩy công tác phân loại rác thải, họ đến từng hộ gia đình để thăm hỏi, phát phiếu điều tra, kiên nhẫn thực hiện công tác.

3.3. Các trường trung học và tiểu học cùng nhau hành động

Để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của trẻ em, giúp các em nắm chắc những kiến thức cơ bản về thu gom phân loại và tận dụng tổng hợp rác thải, có thể triển khai tại các trường học các hoạt động như họp lớp theo chủ đề, trình bày kiến thức, thực hành thực tiễn..., từ đó xây dựng không khí tốt đẹp về phân loại rác thải xuất phát từ bản thân, từ môi trường sống của các em học sinh./.

Vương Minh Châu

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 11/2018

ND: Kim Nhạn

Những nguồn năng lượng thay thế trong các thành phố

Nhiệt năng

Sân khấu mới của Nhà hát Opera Hoàng gia Đan Mạch, nhà ga trung tâm Stockholm, các ga tàu điện ngầm ở Pháp hiện nay đều đang tận dụng nhiệt dư thừa của khách để sưởi ấm cho chính họ.

Phía dưới sàn nhà có gắn các cảm biến nhiệt độ cực kỳ nhạy bén. Khi các cảm biến xác định được nhiệt dư thừa, bơm nhiệt sẽ được khởi động. Nhiệt từ cơ thể được “hút” vào một mạch đặc biệt cùng với khí hóa lỏng. Khí được đun nóng và nén bằng máy nén, qua đó được làm nóng hơn. Năng lượng thu được sẽ dùng để sưởi ấm các căn phòng chưa đủ ấm, chẳng hạn, phòng trà ít người trong thời gian diễn kịch, hoặc các căn nhà ở ngay trên ga tàu điện ngầm.

“Năng lượng nhiệt khối” như vậy có thể giúp

giảm tiêu hao nhiệt năng tiêu chuẩn tới 80%, và máy phát điện có thể giấu ngay trong tầng hầm của tòa nhà. Biện pháp tận dụng vô cùng đơn giản và hiệu quả.

Tất nhiên, biến nhiệt thành năng lượng chỉ có thể thực hiện tại những vị trí khép kín và đông người, nếu không nhiệt sẽ tỏa đi. Song, nếu thiết kế hợp lý, vấn đề sẽ được giải quyết. Trong tương lai, công nghệ này cho phép giảm thiểu khói từ các nhà máy nhiệt điện.

Động năng

Từ sách giáo khoa vật lý lớp 8 phổ thông, học sinh đã được biết: Động năng có thể chuyển thành tiềm năng. Năng lượng từ một chiếc xe đang chuyển động có thể được chuyển cho một chủ thể tĩnh; năng lượng đó có thể là nhiệt, là điện... Con người cũng vậy, cũng có

thể coi là một chủ thể động.

Trên các đường phố, trong các câu lạc bộ đêm, các ga xe điện ngầm, cửa hàng, công viên, sân vận động, năng lượng từ con người từ lâu đã được tận dụng thành công, một trong các biện pháp tận dụng là lớp phủ “thông minh” trải sàn. Trông như những phiến gạch lát bình thường, song những viên gạch có lớp phủ này có thể hấp thụ năng lượng từ các bước chân của khách qua lại (tạo áp lực lên sàn nhà) và truyền năng lượng đó cho các đèn đường, bảng tin, router wi-fi, ổ cắm sạc tiện ích, cửa quay ra vào ga tàu điện ngầm... mà không cần kéo đường dây dài hàng cây số từ trạm điện gần nhất.

Công nghệ khá đơn giản và tiết kiệm - trung bình, một “viên gạch” tạo ra 2,1 watt mỗi giờ. Vì vậy, cả một sàn nhà được phủ và tạo đủ lượng năng lượng cần thiết chỉ có thể bắt gặp trong các công trình đô thị lớn - sân bay Heathrow (Anh quốc), nhà ga xe lửa Saint-Omer (Pháp), sân bóng đá ở Brazil, Quảng trường Liên bang tại Úc, các nhà ga xe lửa ở Tokyo (Nhật Bản), và trong các trường tư thục nhỏ, nhà trẻ tư nhân. Năng lượng còn được khai thác từ chính những vị khách trong các câu lạc bộ đêm. Ở đó, khách vừa bị thu tiền để vào sinh hoạt trong câu lạc bộ, vừa bị “thu” năng lượng từ sự vận động của bản thân.

Rác thải

Năng lượng thay thế được thu nhận từ quá trình đốt rác thải - điều này ai cũng biết. Điều ít người biết là chất thải từ sinh hoạt hàng ngày của con người và động vật có thể sản sinh một loại khí sinh học thuần khiết không mùi.

Các “trạm” khai thác nhiên liệu này đã được xây dựng trong hạ tầng cơ sở đô thị - đó là một

hệ thống tiêu thoát bình thường, song giúp thành phố tiệm cận với khái niệm “không chất thải”. Tại các quốc gia “xanh”, hệ thống tiêu thoát như vậy là một trung tâm năng lượng quan trọng. Trước hết, việc thu gom, phân loại và làm sạch rác thải thường được thực hiện ngay trong các căn phòng ở tầng hầm. Sau đó, các hệ thống thông minh lập tức đưa một phần rác thải vào xử lý - chất thải lỏng được lọc sạch các tạp chất và chuyển sang phục vụ tưới cây cùng một số mục đích hàng ngày khác. Lượng rác thải còn lại để tái chế thành khí đốt tự nhiên hoặc nhựa. Chất thải rắn được chuyển hóa thành nhiên liệu.

Nhờ hệ thống tiêu thoát thông minh, các thành phố tự bảo đảm môi trường sinh thái xanh, sạch. Công nghệ rất phát triển tại Đan Mạch, Nhật Bản, Hà Lan, Bỉ, Hàn Quốc, Đức, Thụy Sĩ.

Kết luận

Các nguồn năng lượng thay thế hiện đại có thể dễ dàng được tạo ra trong mỗi thành phố; không những không làm mất đi hình ảnh bên ngoài của thành phố mà còn cho phép loại bỏ các loại đường ống, đường dây không cần thiết, các trạm cung cấp, thiết bị cung cấp dư thừa. Các thành phố thông minh luôn biết tiết kiệm tiền và nguồn ôxy quý giá; còn các thành phố kém thông minh vẫn tiếp tục tư duy cuộc sống không thể thiếu nguồn nhiên liệu dầu mỏ./.

Veselova Maria

*Nguồn: Tạp chí internet Berlogos
(www.berlogos.com) tháng 4/2018*

ND: Lê Minh

HỘI NGHỊ THẨM ĐỊNH ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU DU LỊCH QUỐC GIA MỘC CHÂU

- Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2018



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị